



Chỉ đạo thực hiện

Bùi Thắng
Ủy viên BTV Tỉnh ủy
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chịu trách nhiệm xuất bản

Trần Trung Hiếu
Phó Trưởng ban Thường trực
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ban Biên tập

Phạm Nguyễn Hoàng Vinh Quang
Phạm Hữu Hải
Vũ Thị Thúy Nga
Vũ Thị Hồng Vĩnh
Lê Thị Vân
Hoàng Văn Khôi

Trình bày - Chế bản

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng,
số 10 Lê Hồng Phong - Đà Lạt.
In 5.200 cuốn, khổ 20 x 28 cm
tại Cty CP In & PHS Lâm Đồng.

Giấy phép xuất bản

Số 07/GP-XBBT do Sở Thông tin
và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày
21/12/2021.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 06/2022

Nội dung sinh hoạt chi bộ tháng 7/2022

1. Tổ chức tuyên truyền: Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ (9/7/1912 - 9/7/2022), Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Campuchia (24/6/1967 - 24/6/2022), chào mừng “Năm Đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào 2022” và các ngày kỷ niệm khác trong tháng.

2. Tiếp tục tuyên truyền kết quả Hội nghị Trung ương 5, khóa XIII; kết quả 01 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền nội dung Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuyên truyền triển khai Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới.

3. Tuyên truyền, phổ biến nội dung các Nghị quyết của Tỉnh ủy: Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 “về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 “về Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 “về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 “về phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030”; Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 9/6/2022 “về tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền về quy định, quy chế kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022.

5. Thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh 6 tháng đầu năm 2022; tuyên truyền kết quả thực hiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và kết quả cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lâm Đồng năm 2021...

Văn hóa nói chung là phạm trù rất rộng, được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi nghiên cứu các hiện tượng và giá trị văn hóa ở nhiều dân tộc, đã đi đến nhận xét: “Vì lẽ

sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp

XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG ĐẢNG

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII

 **TRẦN TRUNG HIẾU**



Chương trình nghệ thuật “Khát vọng - Tỏa sáng” chào mừng thành công Đại hội XIII của Đảng. Ảnh: K.T

luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là toàn bộ những gì do con người đã sáng tạo ra. Văn hóa trở thành giới tự nhiên thứ hai do con người tạo ra và văn hóa cũng chính là mục đích, ý nghĩa cuộc sống của con người. Ở đâu có con người, quan hệ giữa con người với con người thì ở đó có văn hóa. Hồ Chí Minh không chỉ đề xuất khái niệm văn hoá theo nghĩa rộng mà còn cho rằng văn hoá là “một kiến trúc thượng tầng”. Văn hoá có mối quan hệ biện chứng với cơ sở hạ tầng, với kinh tế, chính trị, xã hội. Người cho rằng trên nền tảng cơ sở hạ tầng vững chắc thì văn hoá mới có điều kiện phát triển. Đến lượt nó, văn hoá là động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội, “văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi”. Đây là văn hóa nói chung, nội hàm và khái niệm rộng hơn nhiều so với văn hóa chính trị, văn hóa trong Đảng.

Một số nhà lý luận Mác-xít cho rằng: Văn hóa đảng là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần của Đảng, gắn liền với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn liền với mục đích, tư duy, hình thức tổ chức, phương pháp hoạt động của Đảng. Văn hóa đảng gắn liền với Đảng từ ngày Đảng ra đời. Sự ra đời của Đảng đã đánh dấu một bước phát triển cao về trình độ văn hóa và tinh thần của dân tộc, trước hết là ở bộ phận tiên phong của giai cấp công nhân

và nhân dân lao động. Đảng Cộng sản Việt Nam chính là một sản phẩm của văn hóa, là sự kết hợp giữa đỉnh cao của văn hóa nhân loại là chủ nghĩa Mác - Lênin với đỉnh cao của phong trào đấu tranh giải phóng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Văn hóa dân tộc sản sinh ra văn hóa đảng và văn hóa đảng tác động tích cực vào văn hóa dân tộc để văn hóa dân tộc phát triển theo chiều hướng tiến bộ của thời đại.

Trong suốt chiều dài lịch sử 92 năm lãnh đạo, Đảng ta luôn chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã chỉ rõ: “Để xây dựng và phát triển văn hóa trong xã hội, trước hết cần xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước như Bác Hồ đã dạy Đảng ta là đạo đức, là văn minh... Văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức Đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước”. Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước định hướng: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là

xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân”. Tại Đại hội XII, xây dựng văn hóa trong Đảng được bổ sung với nhiều điểm mới; nổi bật là đưa công tác xây dựng Đảng về đạo đức ngang tầm với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức: “Tập trung thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng phải tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức (cũng chính là xây dựng văn hóa trong Đảng).

Mới đây nhất, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đặt ra yêu cầu: Chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hoá, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Thực trạng thời gian qua, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chính là biểu hiện của việc xuống cấp về đạo đức, về văn hóa trong

Đảng. Trong thế giới đầy biến động và phức tạp như hiện nay, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ nặng nề mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt ra đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển thu nhập cao thì đòi hỏi Đảng phải nâng tầm lãnh đạo hơn nữa, nâng cao hơn nữa năng lực cầm quyền và sức chiến đấu. Chính vì vậy việc xây dựng văn hóa trong Đảng và nói rộng ra là xây dựng văn hóa chính trị để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, thực sự là biểu tượng của “đạo đức, văn minh” (biểu hiện cao của văn hóa) là yêu cầu cấp thiết.

Những nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng văn hóa trong Đảng cũng chính là những nhiệm vụ quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; do đó cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Vấn đề trước tiên, xây dựng Đảng về văn hóa cần phải quan tâm xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Cần thấy rằng, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng là đoàn kết, thống nhất có nguyên tắc, dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, quan điểm, đường lối của Đảng. Chính vì vậy cần phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở tôn trọng và giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng có sức mạnh khi và chỉ khi mọi

đảng viên và tổ chức đảng tuân thủ nghiêm túc những nguyên tắc sinh hoạt đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. Đoàn kết trong Đảng chính là nhân tố quan trọng để xây dựng sự đoàn kết và đồng thuận xã hội.

Vấn đề thứ hai là, nâng cao văn hóa tự phê bình và phê bình trong Đảng; mỗi cán bộ, đảng viên phải tự soi, tự sửa. Mỗi cấp ủy, cán bộ, đảng viên cần nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm trong thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng; “tự soi, tự sửa” theo tinh thần Kết luận số 21-KL/TW, kết luận Hội nghị lần thứ tư, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Duy trì và thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, hiệu quả các nguyên tắc xây dựng Đảng, chú trọng thực hiện tự phê bình và phê bình gắn với nhiệm vụ chính trị, với các đợt sinh hoạt Đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức; phát huy dân chủ; đề cao tính tự giác, trách nhiệm, thái độ và phương pháp tự phê bình và phê bình đúng đắn, phù hợp, bảo đảm tính văn hóa, tính khoa học, tính nhân văn của mỗi cán bộ, đảng viên. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, nhất là nhân dân tại mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị trong giám sát, phê bình tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên với các hình thức phù hợp.

Vấn đề thứ ba là, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, để việc nêu gương trở thành hành động tự giác “văn hóa nêu gương”.

Đảng ta đã ban hành nhiều quy định về trách nhiệm nêu gương của Đảng viên, nổi bật là Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”, nhấn mạnh việc phải kịp thời chấn chỉnh tác phong công tác, lối sống xa hoa, lãng phí gây phản cảm trong xã hội và gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, giản dị, tiết kiệm; Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương với 8 nội dung phải gương mẫu thực hiện, 8 nội dung phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống; yêu cầu cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Đây chính là những quy định rất quan trọng và cần thiết để mỗi đảng viên tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện. Đồng thời phải thực hiện tốt Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đưa việc học tập và làm theo Bác lan tỏa rộng rãi trong Đảng và xã hội.

Vẫn phải nhắc lại yêu cầu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: ***Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức để Đảng ta và hệ thống chính trị nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.***

T.T.H

HỒ CHÍ MINH

với quyền con người

 KHUẤT MINH PHƯƠNG



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02/9/1945) tại Quảng trường Ba Đình. Ảnh: T.L

Quyn con người là một giá trị to lớn của nhân loại. Cố gắng lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự phát triển lý luận về quyền con người là ở

chỗ: Người đã gắn kết hai chủ thể của quyền (quyn con người với tính cách là cá nhân và quyền con người với tính cách là dân tộc, quốc gia-dân tộc) vào trong khái niệm quyền con người. Tư tưởng

của Hồ Chí Minh về con người và giải phóng con người là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người là sự kết hợp

nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa yêu nước chân chính; do đó, Người đã có cách tiếp cận về quyền con người hoàn toàn khác, mới mẻ và sâu sắc. Người xuất phát từ truyền thống dân tộc, từ đặc điểm của thời đại và con người hiện thực Việt Nam khi đang bị địa chủ phong kiến và đế quốc thực dân áp bức, bóc lột để xem xét và giải quyết vấn đề về quyền con người. Cuộc đấu tranh giành quyền con người ở Việt Nam cũng như trên thế giới trong bối cảnh lịch sử gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc. Do đặc điểm thời đại, vấn đề quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt ra ở tầm rộng lớn hơn nhiều.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người được thể hiện trong nhiều tác phẩm. Năm 1919, trong bức thư 8 điểm gửi Hội nghị Véc-Xây, Người đã đề cập những quyền rất cơ bản của con người như: Ân xá toàn bộ chính trị phạm Việt Nam, bỏ hẳn tòa án đặc biệt, thay chế độ sắc lệnh bằng đạo luật, đòi quyền tự do báo chí, tự do tư tưởng, hội họp, lập hội, tự do cư trú, xuất dương, học tập và mở trường kỹ thuật chuyên nghiệp cho người bản xứ ở khắp các địa phương. Tư tưởng này được tiếp tục phát triển trong nhiều tác phẩm khác nhau như: Bài phát biểu tại Đại hội Tua năm 1920; Bản án chế độ thực dân Pháp 1925... Nổi bật là Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945, đỉnh cao của văn chương chính luận Việt Nam, là một văn kiện lịch sử thể hiện rất rõ về quyền con người và quyền dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm

tiếp cận với vấn đề quyền con người - quyền dân tộc. Cách tiếp cận của Người về quyền con người có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, truyền thống chính trị “dân là gốc” là nét độc đáo trong tư tưởng của Người về nhân quyền. Người đã kế thừa tư tưởng triết học phương Đông “đề cao Nhân dân”, rằng “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (Dân mới quý, rồi đến đất nước, còn vua thì bình thường). Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, Nhân dân là “những người lao khổ”, là Nhân dân lao động. Người Viết: “Trong bầu trời không có gì quý bằng Nhân dân”.

Thứ hai, cách tiếp cận tổng thể, toàn diện vấn đề quyền con người. Đây là đặc điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề quyền con người ở đây không chỉ đòi quyền tự do cho cá nhân như phổ biến ở phương Tây mà là đòi quyền cho cả dân tộc. Điều này được lý giải trong Tuyên ngôn độc lập 1945 khi Hồ Chí Minh trích Tuyên ngôn độc lập của Mỹ 1776 rằng: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” và Người khẳng định: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Để xác lập quyền dân tộc và đấu tranh cho quyền dân tộc, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ quyền con người và thông qua quyền con người để đi đến quyền dân tộc. Như thế, quyền con người là điểm xuất phát, là cơ sở nền tảng để thiết lập quyền

dân tộc. Từ quyền con người, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do của mỗi dân tộc trên thế giới này là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, là “những lẽ phải không ai chối cãi được”, đó là “nhân đạo và chính nghĩa”. Đây là cách tiếp cận rất mới mẻ về quyền con người và quyền dân tộc. Và, đây cũng là cách nhìn nhận về mối quan hệ biện chứng giữa quyền con người và quyền dân tộc. Theo đó, quyền dân tộc được phản ánh trên cơ sở truyền thống văn hóa, đạo pháp tự nhiên làm cho con người được thụ hưởng những giá trị vật chất và tinh thần. Hồ Chí Minh cho rằng việc giải phóng dân tộc không bao giờ tách khỏi việc giải phóng con người và giải phóng con người nhất quyết phải nằm trong giải phóng dân tộc. Người từng nói: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ”.

Từ giá trị lý luận về quyền con người trong bản Tuyên ngôn của Mỹ, Pháp, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền con người của cộng đồng - dân tộc. Chính Người đã nâng vấn đề quyền tự nhiên của con người lên một tầm cao mới về chất dưới ánh sáng của thế giới quan khoa học, phản ánh đúng thực trạng đặc thù của dân tộc Việt Nam. Người khẳng định rằng, muốn giải phóng toàn bộ những năng lực xã hội, muốn cho xã hội phát triển, thì trước hết phải giải phóng toàn bộ cá nhân - con người, tạo ra những tiền đề cho sự phát huy cao độ những khả năng tiềm tàng trong mỗi cá nhân. Và chỉ khi đó, quyền con người mới được hiện thực hóa.

Thứ ba, quyền con người mà Hồ Chí Minh tiếp cận không chỉ kế thừa được những giá trị nhân quyền phổ biến trong lịch sử nhân loại mà còn mang tính sáng tạo, độc đáo. Người vẫn sử dụng khái niệm nhân quyền: “Công nông mình cứu lấy mình/ Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền”.

Như vậy, nội dung quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được phát triển phong phú cả về bề rộng lẫn chiều sâu, tạo ra hệ thống quyền con người theo quan điểm cách mạng và khoa học. Đó là, quyền dân sự, chính trị, các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như quyền của các nhóm đặc biệt như: Quyền của các dân tộc thiểu số, quyền phụ nữ, quyền trẻ em... Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến quyền và lợi ích của Nhân dân lao động. Nói về mục đích của chủ nghĩa xã hội, Người giải thích: “Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, trước hết là Nhân dân lao động”.

Trong lĩnh vực phân phối, Người nhấn mạnh rằng, phải đảm bảo công bằng mới tạo ra động lực phát triển kinh tế, xã hội nhưng công bằng không phải là cào bằng, bình quân chia đều mà phải được đặt trên quan điểm là “làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”. Ngoài ra, còn có quyền học tập, vui chơi, quyền tham gia nghiên cứu khoa học, văn hóa nghệ thuật, thừa kế và phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc đi đôi với việc học tập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

Cùng với việc quan tâm đến quyền và lợi ích của mọi tầng lớp Nhân dân, Hồ Chí Minh chú ý đến các nhóm người khó khăn trong việc thực hiện quyền, đòi hỏi các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội tạo mọi điều kiện thuận lợi để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Đó là quyền trẻ em, quyền phụ nữ, quyền của những người già cả, tàn tật, quyền của các dân tộc thiểu số...

Việc đề cập đến nhân quyền với nội dung rộng lớn theo quan điểm khoa học, cách mạng được Hồ Chí Minh quán triệt trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đã khẳng định: Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho sự phát triển dân chủ và nhân quyền Việt Nam.

Trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa hiện nay, yêu cầu về việc bảo đảm, thực hiện quyền con người cho mọi người dân ngày càng được nâng cao hơn. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người soi sáng và chỉ lối cho nhận thức và hành động thực tiễn của Đảng, Nhà nước ta trong công tác đấu tranh, phê phán những luận điệu sai trái về quyền con người cũng như trong sự nghiệp chăm lo, bảo vệ, thúc đẩy và bảo đảm quyền con người trên thực tế là rất quan trọng và cần thiết. Vì vậy, quan điểm chỉ đạo công tác bảo đảm quyền con người ở Việt Nam từ năm 1920 và tầm nhìn đến năm 2030 được xác định theo hướng: Nhân dân là chủ thể của quyền và bảo đảm quyền con người là mục tiêu, động lực của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quyền con người vừa có tính phổ biến vừa có tính đặc thù, đồng thời thể hiện ở tính nhân loại gắn với tính giai cấp và tính dân tộc. Quyền con người trong

tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc mà còn bao gồm cả quyền làm chủ, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được pháp luật bảo vệ, quyền đi lại, quyền cư trú, quyền công dân, quyền hôn nhân và xây dựng gia đình, quyền sở hữu tài sản.

Ở Việt Nam hiện nay, quyền con người được bảo đảm bằng chế độ dân chủ và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều kiện pháp lý cho công tác bảo đảm quyền con người tùy thuộc vào việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với 5 đặc điểm: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; sự bình đẳng của mọi người trong thụ hưởng và phát triển quyền, trước tiên và chủ yếu trong việc tham gia vào công tác quản lý Nhà nước và xã hội; sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ công lý, quyền con người và công dân.

Để bảo đảm quyền con người ở Việt Nam, tầm nhìn đến năm 2030, thiết nghĩ cần chú ý sử dụng ngày càng phổ biến và sâu rộng cách tiếp cận dựa trên quyền con người trong hoạch định và triển khai đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Bảo đảm một cách thực tế các quyền con người, nhất là quyền sống, quyền phát triển và quyền của các nhóm yếu thế, trên cơ sở từng bước bảo đảm quyền con người một cách bình đẳng thực sự.

K.M.P

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI trên không gian mạng

 **VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC
BCĐ VỀ NHÂN QUYỀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Việt Nam chính thức kết nối internet vào năm 1997 và chỉ sau 20 năm nối mạng toàn cầu, chúng ta đã có tỷ lệ tăng trưởng internet nhanh nhất khu vực châu Á (gần 70 triệu người dùng), xếp thứ 13/201 quốc gia có tỷ lệ người sử dụng internet nhiều nhất thế giới. Do đó, việc đánh giá, nhìn nhận mối tương quan giữa quyền con người và không gian mạng ở Việt Nam cũng giống như trên thế giới đang là vấn đề cấp thiết và quyền con người và bảo vệ quyền con người trên không gian mạng cần có sự nghiên cứu cho phù hợp và thích ứng.

Thực trạng bảo đảm quyền con người trên không gian mạng

Không gian mạng là không gian ảo, hình thành từ mạng lưới kết nối các mạng, bao gồm: mạng internet, mạng viễn thông, hệ thống máy tính, bộ xử lý và điều khiển, chứa đựng cơ sở dữ liệu, phản ánh hoạt động của con người, không giới hạn về không gian, thời gian. Sự xuất hiện của không gian mạng đưa thế giới bước vào một thời đại mới, với sự khác biệt cơ bản là thực - ảo đan xen, kết hợp, thực không tách rời ảo và ngược lại. Không gian mạng là công

cụ giúp con người sinh sống tốt hơn trong thế giới thực, nhưng đồng thời cũng là môi trường tương tác, tạo ra lợi ích và giá trị tinh thần mà thế giới thực không mang lại được.

Trên không gian mạng, mọi người có thể tương tác, trải nghiệm, trao đổi ý kiến, trò chuyện, chia sẻ thông tin, tổ chức diễn đàn, học tập, tìm kiếm việc làm, kinh doanh, sáng tạo nghệ thuật, giải trí,... Không gian mạng đang thật sự trở thành không gian sinh tồn rộng mở, không gian kiến tạo và gia tăng sức mạnh quốc gia với nguồn tài nguyên số vô tận.

Qua thực tế, có thể thấy hầu hết các quyền con người đều có và được thực hiện trên không gian mạng: Quyền tự do bày tỏ ý kiến, tự do ngôn luận; Quyền tiếp cận thông tin; Quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn

giáo; Quyền giáo dục; Quyền có việc làm; Quyền được chăm sóc sức khỏe, y tế; Quyền nghiên cứu, sáng tạo khoa học; Quyền tự do kinh doanh (trang thương mại điện tử, giao kết hợp đồng, đăng ký kinh doanh); Quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực xã hội; Quyền phát triển; Quyền được sống trong môi trường trong sạch; Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư; Quyền an sinh xã hội; Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa.

Song bên cạnh những lợi ích to lớn, vấn đề vi phạm quyền con người trên không gian mạng đang là mối quan tâm hàng đầu của quốc gia, cơ quan, tổ chức và cá nhân. Các hành vi vi phạm xảy ra ở hầu hết các nhóm quyền và ở các lĩnh vực của đời sống xã hội.



Theo số liệu từ Kaspersky Security Network, Việt Nam nằm trong top 3 quốc gia bị tấn công mạng nhiều nhất năm 2018. Kaspersky Lab nhận định: “Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, những mối đe dọa về vấn đề an ninh mạng ngày càng tinh vi hơn. Đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 bùng nổ, Việt Nam sẽ phải đối mặt và chịu nhiều ảnh hưởng bởi những thay đổi phức tạp của an ninh mạng”. Một thống kê khác cho thấy, hai năm 2017 và 2018, số lượng lỗ hổng an ninh tăng đột biến với hơn 15.700 lỗ hổng, gấp khoảng 2,5 lần những năm trước đó; năm 2018, hơn 9.300 cuộc tấn công vào mạng Việt Nam, hơn 1,6 triệu lượt máy tính bị mất dữ liệu. Theo thống kê của Công ty an ninh mạng Bkav, trong năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam lên mức kỷ lục 14.900 tỷ đồng, tương đương 642 triệu USD, nhiều hơn 21% so với mức thiệt hại của năm 2017. Đây là kết quả từ chương trình đánh giá an ninh mạng do Bkav thực hiện tháng 12/2018.

Trên phạm vi toàn cầu, tội phạm mạng gây thiệt hại lên tới khoảng 600 tỷ USD mỗi năm, tương đương 0,8% GDP toàn cầu. Trong đó, khu vực Đông Á thiệt hại ước tính từ 120 - 200 tỷ USD, tương đương 0,53 - 0,89% GDP khu vực. Mức thiệt hại 642 triệu USD tương đương 0,26% GDP của Việt Nam, tuy chưa phải cao so với khu vực và thế giới, nhưng cũng là mức đáng báo động. Những con số này đã khẳng định quyền con người trên không gian mạng đang bị vi phạm và là vấn đề đáng báo động. Do vậy, cần có những giải pháp hiệu quả để bảo vệ quyền

con người trên không gian mạng.

Một số giải pháp bảo vệ quyền con người trên không gian mạng

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nói chung, Luật An ninh mạng nói riêng, pháp luật về quyền con người để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm cho toàn xã hội, đặc biệt là của các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân về bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng, về tôn trọng bảo vệ quyền của mọi người trên không gian mạng. Đặc biệt là nâng cao nhận thức của người dân về an ninh mạng; trang bị kỹ năng ứng xử khi sử dụng không gian mạng cho người dân; bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hành vi vi phạm quyền trên không gian mạng; cung cấp cho người sử dụng kỹ năng cần thiết thực hiện các quyền của mình nhưng, đồng thời có kỹ năng tự bảo vệ các quyền của mình nếu bị xâm hại...

Thứ hai, tham khảo, nghiên cứu các văn bản, khuyến nghị của Liên hợp quốc và các khu vực về quyền con người trên không gian mạng trong quá trình hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật và ứng xử quốc tế; bởi lẽ vấn đề quyền con người và không gian mạng đã trở thành vấn đề toàn cầu, có những nhận thức và chuẩn mực chung nhất định.

Thứ ba, bảo đảm nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền con người trong việc sáng chế, phát minh và ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin nhằm bảo đảm quyền và tạo cơ hội tiếp cận bình đẳng cho các nhóm xã

hội dễ bị tổn thương với những tính năng đặc thù (dành cho người khuyết tật, trẻ em, người già) và bình đẳng về giới (có các ứng dụng, biểu tượng, tính năng bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới).

Thứ tư, thông tin, giáo dục, cập nhật các quy định pháp luật về quản lý không gian mạng: Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành (tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng), các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 (Mục 2, Điều 285-294) liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ và Thông tư số 09/2014/BTTTT ngày 19/8-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng mạng xã hội.

Thứ năm, các cơ quan quản lý nhà nước cần có biện pháp theo dõi, giám sát chủ động để bảo đảm kịp thời ứng phó với các hành vi xâm phạm trên diện rộng, ảnh hưởng tới hàng loạt các cá nhân, tổ chức trong khi không thể chờ được các báo cáo từ các chủ thể cá nhân. Trách nhiệm bảo đảm an ninh mạng, bảo đảm các quyền con người trên không gian mạng thuộc về nhiều chủ thể: các nhà cung cấp các dịch vụ sử dụng nền tảng trên internet, chủ thể sử dụng dịch vụ cung cấp trên nền tảng internet, các nhà cung cấp hạ tầng kỹ thuật và cả người dùng, nhà nước quản lý nhà nước.

V.P.T.T

DÂN SỐ - yếu tố quan trọng để phát triển bền vững

 HẰNG NGÀ



Ngày Dân số thế giới là một sự kiện thường niên diễn ra vào ngày 11/7 hàng năm nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về các vấn đề dân số. Kỷ niệm Ngày Dân số thế giới 11/7 hàng năm là dịp để nhân loại tự hào về những thành tựu trong lĩnh vực dân số, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống, nâng cao chất lượng dân số và tuổi thọ của người dân, góp phần phát triển đất nước.

Riêng ở nước ta, kỷ niệm Ngày Dân số thế giới cũng là dịp để nhắc nhở các cấp, các ngành, đoàn thể và quần chúng Nhân dân có những hoạt động thiết thực ra sức thực hiện các

giải pháp và mục tiêu về dân số, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của công tác dân số đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước theo định hướng Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Nghị quyết số 21-NQ/TW đã khẳng định quan điểm chỉ đạo của Đảng: “Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển”.

Trên cơ sở đó, ngày 22/11/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số

1679/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, trong đó khẳng định mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững. Theo đó, Chiến lược Dân số Việt Nam đã đề ra 8 mục tiêu cụ thể đến năm 2030. Trong đó, mục tiêu 4 về nâng cao chất lượng dân số. đặt mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống;

70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; chiều cao người Việt Nam 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm; Chỉ số Phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm 4 nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á...

Hơn hết, công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển nhanh và bền vững. Quán triệt tinh thần của Nghị quyết 21-NQ/TW, Quyết định số 1679/QĐ-TTg công tác dân số thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, chất lượng dân số được cải thiện; nhiều văn bản đã được ban hành để định hướng cho công tác dân số trong thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng dân số đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của cả nước nói chung và địa phương Lâm Đồng nói riêng.

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên, dân số trên 1,34 triệu người. Trong những năm qua, tỉnh đã thực hiện nghiêm túc quan điểm chỉ đạo của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể; sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ Dân số - KHHGĐ từ tỉnh đến cơ sở, cùng

đội ngũ công tác viên dân số địa bàn đã giúp cho công tác DS-KHHGĐ của tỉnh đạt được những kết quả đáng ghi nhận; nhất là từ khi chuyển trọng tâm chính sách từ DS-KHHGĐ sang dân số và phát triển, triển khai đồng bộ trên 4 lĩnh vực: quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư. Trong giai đoạn 2016-2020, đảm bảo thực hiện giảm sinh và duy trì mức sinh hợp lý. Trong 5 năm tổng số trẻ sinh toàn tỉnh gần: 98.000 trẻ, trung bình hằng năm trong giai đoạn này có 19.531 trẻ sinh ra. Giảm tỷ suất sinh thô bình quân hàng năm 0,24‰, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên bình quân hàng năm 0,74%. Năm 2016, tỷ suất sinh thô là 15,72‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 11,46%; đến năm 2020 tỷ suất sinh thô là 14,51‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 10,48%. Tổng tỷ suất sinh (số con sinh sống bình quân của một người phụ nữ trong suốt cả cuộc đời) từ 2,16 con/phụ nữ năm 2016 xuống còn 2,06 con/phụ nữ năm 2020. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh giảm dần, từ 1,12% năm 2016 xuống 1,02% năm 2020; trong 5 năm (2016-2020) có 154.433 bà mẹ được sàng lọc trước sinh, trong tổng số gần 42.443 bà mẹ mang thai đạt 27,5%. Quy mô dân số tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 9.509 người/năm. Hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và hoàn thành mục tiêu Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020. Tuổi thọ bình quân hiện tại của tỉnh Lâm Đồng là 74.0 tuổi (nam là 71,3 và nữ là 76,7 tuổi)...

Những thành quả đạt được trong thực hiện các mục tiêu về DS-KHHGĐ đã và đang góp phần đáng kể vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm nghèo; đồng thời, giảm sức ép do gia tăng dân số đối với các nhu cầu xã hội cơ bản, góp phần ổn định đời sống Nhân dân trong tỉnh. Có thể nói, chất lượng dân số quan hệ mật thiết với trình độ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Chất lượng dân số là yếu tố tác động lớn đến sự phát triển bền vững của mỗi địa phương trong tỉnh. Dân số là “mẫu số” của các chỉ tiêu phát triển được tính bình quân đầu người. Các bài toán phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch...đều phải tính đến các yếu tố dân số nếu muốn phát triển nhanh và bền vững.

Chính vì vậy, xác định thực hiện tốt công tác DS-KHHGĐ là nhiệm vụ quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Do đó, thời gian tới, các cấp, các ngành, nhất là ngành dân số của tỉnh tiếp tục quan tâm, đầu tư hơn nữa cho công tác DS-KHHGĐ, hướng tới mục tiêu đưa mức sinh đạt mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng nguồn nhân lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

H.N

Nhớ về các Thương binh Liệt sĩ NHỮNG NGỌN LỬA THIÊNG KHÔNG BAO GIỜ TẮT

 HOÀNG KHÔI

Phát huy truyền thống, đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây của dân tộc Việt Nam, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng luôn xác định công tác chăm sóc người có công với cách mạng không chỉ là trách nhiệm lớn lao mà còn thể hiện tình cảm sâu sắc với những người đã cống hiến, hi sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, các địa phương trong tỉnh đều có Nghĩa trang và nơi tưởng niệm các Anh hùng, Liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc, thực hiện tốt việc chăm sóc, quản lý, di dời mộ đúng quy định; tổ chức tốt việc viếng Nghĩa trang liệt sĩ nhân các ngày lễ lớn như: Tết cổ truyền dân tộc, ngày 30/4, 27/7, 2/9, 22/12; tổ chức đêm thắp nến tri ân các Anh hùng Liệt sĩ ở các Nghĩa trang liệt sĩ vào đêm

27/7; tổ chức đêm “Hoa hồng đồng đội” vào đêm 22/12; triển khai thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi cho thân nhân lập thủ tục di dời hài cốt liệt sĩ về quê an táng...

Lâm Đồng hiện nay có trên 40 nghìn đối tượng người

có công cách mạng, thực hiện các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH 14 ngày 9/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIX về ưu đãi người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH ngày 20/10/2012 về sửa đổi



Phút tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại Nghĩa trang liệt sĩ Đà Lạt

bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa VIII; Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Lâm Đồng luôn quan tâm chỉ đạo kịp thời, làm tốt công tác thương binh Liệt sĩ và người có công với cách mạng. Đến nay 100% đối tượng người có công có mức sống từ trung bình trở lên so với địa bàn cư trú; 100% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ và người có công cách mạng. Từ năm 2017 đến nay, toàn tỉnh đã vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa được trên 3.3 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa 1.003 căn nhà tình nghĩa. Thường xuyên chỉ đạo Trung tâm Điều dưỡng người có công, tổ chức điều dưỡng cho đối tượng người có công trong và ngoài tỉnh đạt kết quả tốt. Xác minh lập hồ sơ truy tặng danh hiệu cho 39 Bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Trong đó hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chế độ chính sách người có công với cách mạng; công tác đền ơn đáp nghĩa đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác chăm sóc người có công với cách mạng, nơi an nghỉ của các Anh hùng, Liệt sĩ, làm khơi dậy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm tăng thêm lòng tin trong Nhân dân và đối tượng chính sách đối với Đảng, Nhà nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Ăn

quả phải nhớ người trồng cây”. Trong cuộc tung bừng vui vẻ hôm nay, chúng ta phải nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ của Đảng ta, của dân ta... Máu đào của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hi sinh dũng cảm của các liệt sĩ cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết trái tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ để vượt tất cả khó khăn, gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ chuyển lại cho chúng ta.

Ngày 16/2/1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL “Quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ”. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh, liệt sĩ đối với công cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc.

Để Nhân dân cả nước có dịp bày tỏ lòng biết ơn tới các thương binh và gia đình liệt sĩ, tháng 6/1947, từ Phủ Chủ tịch ở “Thủ đô gió ngàn” (đổi Khau Tý, ATK Định Hóa), Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với Chính phủ chọn một ngày trong năm làm “Ngày Thương binh” toàn quốc.

Ban Vận động tổ chức “Ngày Thương binh” họp vào khoảng 7 giờ tối một ngày đầu tháng 7/1947, khoảng 20 người trong Ban họp tại Phú Minh, xã Phú Thịnh (Đại Từ) do đồng chí Lê Tất Đắc, Cục phó Cục Chính trị chủ trì, Hội nghị đã nhất trí lấy ngày 27/7 làm “Ngày Thương binh” toàn quốc. Từ năm 1955, Ngày 27/7 hàng năm được đổi thành Ngày Thương Binh - Liệt sĩ.

Chiến tranh đã lùi xa, thế nhưng hiện tại vẫn có những người lính, người chiến sỹ Công

an Nhân dân, Quân đội Nhân dân,... khi lên đường nhận nhiệm vụ, họ đã ra đi mãi mãi chẳng trở về. Để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ đồng bào, máu và tính mạng của những người lính Công an Nhân dân, Quân đội Nhân dân... lại tiếp tục đổ xuống và hi sinh với hàng trăm liệt sĩ, hàng nghìn thương binh.

Ngày 27/7 hằng năm - Ngày Thương binh - Liệt sĩ Việt Nam là dịp để toàn dân cả nước ôn lại những câu chuyện phi thường, dũng cảm của những chiến sĩ tử trận, bồi dưỡng truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của các thương binh, liệt sĩ và người có công. Cũng là dịp để mỗi người Việt Nam được sống trong hòa bình tri ân hàng triệu con người đã hi sinh, đã để lại nơi chiến trường một phần xương máu và một phần cuộc sống của mình vì nền độc lập tự do của dân tộc, vì cuộc sống hạnh phúc, bình yên của Nhân dân.

Năm 2022, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022); đẩy mạnh phong trào thi đua “đền ơn đáp nghĩa” với các hình thức phong phú thiết thực; vận động xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” các cấp; tổ chức Hội nghị gặp mặt đại biểu người có công tiêu biểu và các xã phường làm tốt công tác Thương binh - Liệt sĩ; thăm, tặng quà cho người có công tiêu biểu; chăm sóc tôn tạo cảnh quan nghĩa trang Liệt sĩ; Tổ chức viếng nghĩa trang liệt sĩ và thắp nến tri ân,...

H.K

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN CỪ NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC, MỘT TẤM GƯƠNG CỘNG SẢN MẪU MỰC

 THUỶ NGÀ (tổng hợp)

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ - nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và cách mạng Việt Nam, tấm gương ngời sáng của một người cộng sản bất tử - đã dâng hiến cuộc đời cho độc lập của Tổ quốc, cho tự do dân tộc, cho lý tưởng quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9/7/1912, trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước ở xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đồng chí là hậu duệ đời thứ 17 của Anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Kế thừa truyền thống yêu nước, hiếu học của dòng họ, lớn lên trên mảnh đất “địa linh nhân kiệt” của xứ Kinh Bắc, phẩm chất cách mạng anh hùng, bất khuất, thông minh, trí tuệ đã hình thành rất sớm trong Nguyễn Văn Cừ từ tuổi thiếu niên. Mới 17 tuổi đời, đồng chí đã trở thành một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến. Được tọt luyện trong Nhà tù Hỏa Lò, Côn Đảo, đồng chí đã cùng với các chiến sĩ cộng sản biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, tự trang

bị cho mình lý luận cách mạng Mác-Lênin, trưởng thành cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất và trí tuệ, giữ trọng trách Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (3/1938) khi mới 26 tuổi đời.

Những năm 1936-1939 là thời kỳ thế giới có những biến động lớn. Chủ nghĩa phát xít ngồng cuồng ra sức chuẩn bị chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa đế quốc tận lực khai thác, bóc lột các thuộc địa, đàn áp dã man phong trào cách mạng, chuẩn bị đối phó với chiến tranh. Đứng trước bối cảnh lịch sử mới, Đảng ta cần có sự chuyển hướng chiến lược đúng đắn, kịp thời. Trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, vạch ra sự chuyển hướng cực kỳ quan trọng trong chiến lược và sách lược cách mạng, đưa cách

mạng Việt Nam tiến lên cao trào trong những năm sau đó.

Để tuyên truyền, vận động cách mạng, tập hợp lực lượng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm “Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương”. Đây là một tác phẩm lý luận chính trị quan trọng, trình bày những quan điểm cơ bản của Đảng về vấn đề tự do dân chủ, khẳng định bản chất tốt đẹp của tự do dân chủ xã hội chủ nghĩa, tự do dân chủ là tài sản quý báu tự nhiên của loài người để mưu cầu sự phát triển. Muốn được hưởng tự do dân chủ thì phải đoàn kết đấu tranh dưới ngọn cờ cách mạng chân chính của Đảng Cộng sản.

Thấu hiểu nguy cơ của chủ nghĩa cơ hội có thể gây ra chia rẽ, phân biệt trong nội bộ Đảng, nắm vững nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công



Chân dung Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với tác phẩm Tự chỉ trích

nhân, đồng chí Nguyễn Văn Cừ viết tác phẩm “Tự chỉ trích” làm tài liệu giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nêu cao vũ khí tự phê bình và phê bình, chống lại chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cơ hội dưới mọi mầu sắc. Tác phẩm đó có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn. Tác phẩm chẳng những uốn nắn những lệch lạc trong phong trào dân chủ, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, mà còn là một văn kiện tổng kết những kinh nghiệm của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, là một đóng góp có giá trị vào kho tàng lý luận và chính sách về Mặt trận thống nhất của Đảng ta.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và Nhân dân ta. Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Đồng chí là một tấm gương mẫu mực về phẩm chất cao quý của người cộng sản.

Không chỉ là tấm gương sáng về tinh thần tự học tập, rèn

luyện trong thực tiễn, đồng chí còn là hình ảnh tiêu biểu của người cán bộ cách mạng liên hệ, gắn bó máu thịt với quần chúng. Bất kỳ ở đâu, sống giữa những người phu mỏ, hay bà con nông dân vùng miệt vườn Nam Bộ, khi đi “vô sản hóa”, khi mới là đảng viên, hay lúc đã giữ cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ luôn gương mẫu trong cuộc sống; gần gũi, tin tưởng ở quần chúng; có khả năng tập hợp, đoàn kết, động viên quần chúng tham gia cách mạng. Đồng chí cũng luôn nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, phát huy tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng vững mạnh, giữ vững vai trò tiên phong của Đảng, làm cho Đảng thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động.

Trước kẻ thù và những phần tử phản động, Đồng chí luôn kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng. Bị giặc bắt, qua nhiều trận đòn roi, tra tấn dã man của kẻ thù; mặc dù thể trạng không được khỏe, bệnh sốt

rét biến chứng ngày càng nặng, nhưng Đồng chí vẫn tỏ rõ khí tiết, nêu cao tinh thần kiên trung. Hình ảnh Đồng chí hiên ngang, lẫm liệt bước ra pháp trường cùng với nhiều cán bộ lãnh đạo khác của Đảng đã trở thành tấm gương lớn về thái độ bất khuất trước kẻ thù và khí phách can trường của người cộng sản.

Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trong bối cảnh toàn Đảng đang nỗ lực thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là dịp để chúng ta học tập tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đó là, không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng, luôn có niềm tin mãnh liệt vào lý tưởng cách mạng cao đẹp, yêu thương, gần gũi, hòa mình với giai cấp công nhân và nhân dân lao động; không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, nỗ lực học tập, rèn luyện, nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, phát huy vai trò tiên phong của Đảng.

T.N

Thông tin thời sự trong nước, thế giới

 HỮU HẢI (tổng hợp)

THÔNG TIN TRONG NƯỚC

1. Tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022

Thực hiện Luật Giáo dục năm 2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, đến nay, thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp cơ bản đi vào nền nếp, giảm áp lực và tổn kém cho xã hội, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh có nhiều cơ hội lựa chọn ngành học. Phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua, để Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022 được triển khai an toàn, nghiêm túc, minh bạch, khách quan và chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh, tại Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 27/5/2022 về tăng cường

chỉ đạo, phối hợp tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện những công việc trọng tâm sau:

Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm toàn diện về

Kỳ thi; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai kế hoạch tổ chức Kỳ thi và tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; chịu trách nhiệm về đề thi cho Kỳ thi; cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các quy định, thông tin cần thiết về Kỳ thi và tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tổ chức Kỳ



Thí sinh Lâm Đồng tham gia dự thi tốt nghiệp THPT 2021 đợt 1. Ảnh: K.T

thi, tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và chấm thi trắc nghiệm bằng máy tính thống nhất toàn quốc bảo đảm chính xác, an toàn; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra Kỳ thi và tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học: công bố công khai đề án, phương thức tuyển sinh trước khi thí sinh đăng ký dự thi và đăng ký xét tuyển; chuẩn bị các điều kiện để thực hiện tuyển sinh bảo đảm công bằng, minh bạch; điều động, phân công viên chức, giảng viên tham gia công tác thanh tra, kiểm tra Kỳ thi tại các địa phương theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức Kỳ thi của địa phương, bảo đảm an toàn, nghiêm túc, chất lượng, bao gồm: tổ chức đăng ký dự thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, thanh tra, kiểm tra, công bố kết quả thi, phúc khảo bài thi và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức Kỳ thi tại địa phương; bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để tổ chức Kỳ thi; bảo đảm các quy định phòng, chống dịch, vệ sinh, an toàn thực phẩm, an ninh, trật tự; xây dựng phương án tổ chức thi cho các thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tạo điều kiện thuận lợi về đi lại, ăn, nghỉ cho thí sinh và người thân của thí sinh ở tất cả các Điểm thi; vận động, hỗ trợ các thí sinh là con em hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, thí sinh

khuyết tật, thí sinh cư trú tại các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh tham dự Kỳ thi; không để thí sinh nào phải bỏ thi vì gặp khó khăn về điều kiện kinh tế hoặc đi lại khi tham dự Kỳ thi; trường hợp phát sinh tình huống bất khả kháng cần xử lý kịp thời, phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi tối đa cho thí sinh; tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác chuẩn bị và tổ chức Kỳ thi theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Thanh tra Chính phủ bảo đảm tuyệt đối an toàn, trung thực, không để xảy ra sai sót, tiêu cực, vi phạm quy chế.

Các bộ, ngành khác: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyển sinh các trình độ của giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công bố công khai đề án, phương thức tuyển sinh trước khi thí sinh đăng ký dự thi và đăng ký xét tuyển; chuẩn bị các điều kiện để thực hiện tuyển sinh bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả. Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho Kỳ thi. Thanh tra Chính phủ chỉ đạo Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử người tham gia Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và các đoàn thanh tra, kiểm tra Kỳ thi của địa phương. Bộ Y tế phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án tổ chức thi cho các thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; chỉ đạo các cơ sở y tế ở Trung

ương và địa phương triển khai các biện pháp bảo đảm phòng, chống dịch, khám chữa bệnh cho thí sinh và những người tham gia tổ chức Kỳ thi. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về Kỳ thi và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ hạ tầng viễn thông phục vụ Kỳ thi...

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tích cực phối hợp, chủ động tham gia cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai tổ chức Kỳ thi, bảo đảm các điều kiện về điện lưới, bưu chính, viễn thông, giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và thực hiện tốt những công việc được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất, kiến nghị trong kế hoạch phối hợp tổ chức Kỳ thi. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn cho Kỳ thi tại địa phương theo chỉ đạo chung của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; tổ chức các hoạt động hỗ trợ thí sinh trong Kỳ thi.

2. Xây dựng mô hình công dân học tập suốt đời

Quyết định số 677/QĐ-



TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng phê duyệt Chương trình “xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” nêu rõ mục tiêu chung là: Thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả... trên cơ sở hình thành mô hình “Công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công một xã hội học tập.

Mục tiêu cụ thể là: Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ, hội viên Hội Khuyến học Việt Nam được học tập quán triệt các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”; 40% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, bản, tổ dân

phố và tương đương), 60% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan trung ương đạt danh hiệu “Công dân học tập”; 70% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 60% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

Phấn đấu đến năm 2030, tiếp tục quán triệt đến toàn thể cán bộ, hội viên Hội Khuyến học Việt Nam để hiểu rõ và triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”; 60% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, bản, tổ dân phố và tương đương), 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan Trung ương đạt danh hiệu “Công dân học tập”; 90% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập”

đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 80% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

Để đạt các mục tiêu đó, cần tiến hành các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Xây dựng và hoàn thiện Bộ tiêu chí khung để áp dụng cho các đối tượng khác nhau. Nghiên cứu, xây dựng, ban hành những Bộ tiêu chí có chỉ số đo khác nhau cho các nhóm đối tượng là nông dân, công nhân, công chức, viên chức, doanh nhân, cán bộ quản lý để bảo đảm mức độ hợp lý và tính khả thi trong triển khai đại trà chủ trương xây dựng mô hình “Công dân học tập” trên mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống xã hội. Biên soạn và in ấn tài liệu tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo những Bộ tiêu chí cụ thể. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”.

Tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống báo chí, bản tin, nội san, các trang tin điện tử của Hội Khuyến học các cấp, trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương. Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, tổ chức, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng mô hình công dân học tập. Nghiên cứu, xây dựng phần mềm nhằm số

hóa việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu của Chương trình. Triển khai công tác tập huấn, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

Tổ chức các hội nghị, tập huấn quán triệt Chương trình, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng và Chính phủ liên quan đến đổi mới giáo dục, đào tạo, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; tập huấn triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” cho những đối tượng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, phù hợp với trình độ học vấn và đặc điểm nghề nghiệp của họ. Xây dựng quy trình, tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận danh hiệu “Công dân học tập” trên phạm vi toàn quốc. Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” và Đại hội biểu dương các cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua, đạt danh hiệu “Công dân học tập” tiêu biểu toàn quốc vào quý III năm 2026, Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình vào quý IV năm 2030.

3. Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”

Công tác giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước ta; là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã

hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác giảm nghèo bền vững; ghi nhận, cổ vũ, động viên, khích lệ sự quan tâm vào cuộc và phát huy trách nhiệm của người dân cả nước trong thực hiện công tác giảm nghèo và vì người nghèo, Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau giai đoạn 2021 - 2025

tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động; khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Huy động



nêu rõ nội dung phong trào thi đua:

Các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ, triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua. Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách

các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân trong và ngoài nước có những việc làm thiết thực, tham gia đóng góp công sức trí tuệ, của cải vật chất hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, địa bàn nghèo...

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thi đua đề ra nội dung, giải pháp giảm nghèo đặc thù của địa phương, bố trí và huy động đa dạng nguồn lực cho địa bàn nghèo nhằm giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, giàu; xây dựng, nhân rộng các mô hình tốt, sáng kiến hay, dự án hiệu quả về giảm nghèo

bền vững. Gắn Phong trào thi đua với phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện di dời dân cư, bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho dân cư tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, khu vực rừng đặc dụng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội; tiếp tục triển khai cuộc vận động “Vì người nghèo” nhân Tháng cao điểm “Vì người nghèo” hằng năm; giám sát bình xét thi đua thực hiện Phong trào của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích các doanh nghiệp thi đua giúp đỡ các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn; vận động các hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo. Các hộ gia đình thi đua tham gia lao động, phát triển sản xuất, làm kinh tế, thoát nghèo bền vững và giúp đỡ các cá nhân, hộ gia đình khác cùng thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no...

Giải pháp thực hiện Phong trào thi đua là: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào thi đua, sơ kết, tổng kết và khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào

thi đua. Các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cụm, khối thi đua căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả; tuyên truyền tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; triển khai sâu rộng Phong trào thi đua với nội dung, tiêu chí cụ thể, hình thức phù hợp, tránh hình thức, lãng phí; sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và tiến hành tổng kết Phong trào thi đua vào năm 2025...

Tiêu chí thi đua là: Các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành có chất lượng, đúng thời hạn các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo. Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp

cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Chủ động, tích cực huy động nguồn lực, có nhiều sáng kiến, mô hình giảm nghèo bền vững được nhân rộng, giúp cho người nghèo tham gia lao động, phát triển sản xuất, kinh doanh, làm kinh tế giỏi, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững. Ngân hàng Chính sách xã hội, thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tổ chức tín dụng có đóng góp, hỗ trợ thiết thực trong công tác giảm nghèo và hỗ trợ, giúp đỡ hiệu quả các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn và người nghèo. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, triển khai có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn; đề ra các nội dung, giải pháp sáng tạo, đặc thù thiết thực, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương; bố trí ngân sách địa phương ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho huyện



nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn. Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Huy động nguồn lực, hỗ trợ vốn, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật để hộ nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống và thoát nghèo. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác giảm nghèo có sáng kiến trong việc xây dựng, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách; hướng dẫn, tham gia tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo. Các doanh nghiệp (tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) có đóng góp thiết thực, hiệu quả trong thực hiện công tác giảm nghèo và hỗ trợ, giúp đỡ các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn và người nghèo. Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...

Tiến độ thực hiện: Năm 2021 - 2022, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Giai đoạn 2022 - 2025, các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện Phong trào thi đua hiệu quả, thiết thực; căn cứ vào tình hình thực tiễn để chủ động tiến hành khen thưởng hàng năm theo thẩm quyền. Năm 2023, các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương căn cứ vào tình hình thực tiễn để chủ động tiến hành sơ kết giữa kỳ và khen thưởng theo thẩm quyền. Năm 2025, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết Phong trào thi đua vào dịp tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác giảm nghèo.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

1. Báo cáo “Tình trạng khí hậu toàn cầu năm 2021”

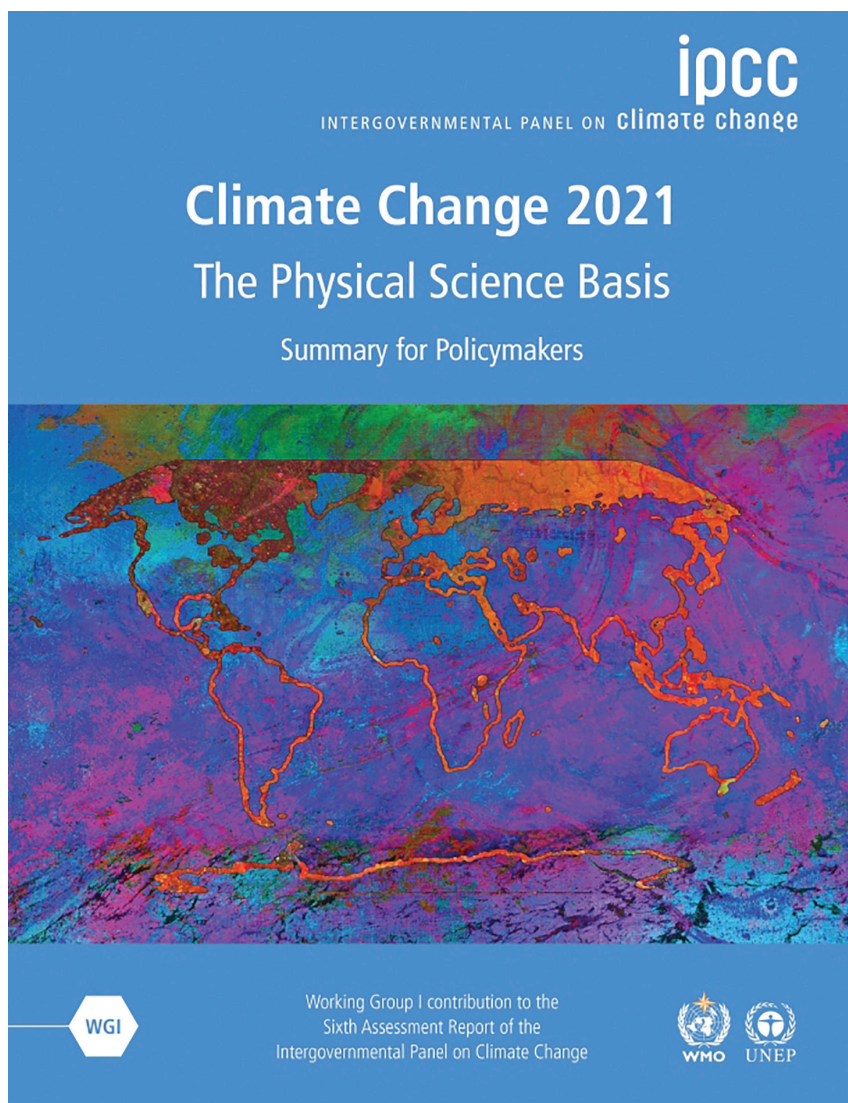
Ngày 18/5/2022, Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) đã công bố báo cáo “Tình trạng Khí hậu toàn cầu năm 2021”, cảnh báo bốn chỉ số biến đổi khí hậu chính đều lập các mức kỷ lục mới.

Nội dung báo cáo “Tình trạng Khí hậu toàn cầu năm 2021” của WMO là sự bổ sung cho báo cáo Đánh giá lần thứ sáu của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) và sẽ được sử dụng làm tài liệu chính thức tại Hội nghị lần thứ 27 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc (LHQ) về biến đổi khí hậu (COP27) dự kiến sẽ diễn ra tại Ai Cập vào cuối năm 2022.

Theo đó, báo cáo của WMO xác nhận 04 chỉ số gồm: nồng độ khí nhà kính, mực nước biển dâng, nhiệt độ đại dương và axit hóa đại dương đều ở mức cao kỷ lục. Nguyên

nhân của những hiện tượng trên là do các hoạt động của con người đã gây ra những thay đổi, tác động có hại và lâu dài đối với sự phát triển bền vững, các hệ sinh thái trên quy mô toàn cầu. Năm 2021 được ghi nhận là một trong 7 năm liên tiếp nhiệt độ khí hậu toàn cầu ở mức cao nhất. Sự kiện LaNina (La Nina là hiện tượng nước biển lạnh đi so với bình thường, đây là một hiện tượng trái ngược lại với hiện tượng El Nino (nước biển nóng lên) diễn ra vào đầu và cuối năm 2021 cũng không đảo ngược xu hướng tăng nhiệt độ chung. Báo cáo ghi nhận mức nhiệt trung bình năm 2021 cao hơn khoảng 1,11 độ C so với mức trước công nghiệp.

Đại diện của WMO cho rằng, quá trình biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh chóng. Mực nước biển dâng, sức nóng của đại dương và quá trình axit hóa sẽ tiếp diễn trong hàng trăm năm nữa trừ khi con người phát minh ra các phương pháp loại bỏ carbon khỏi khí quyển. Một số dòng sông băng đã đạt đến ngưỡng không thể quay trở lại như trước đây và điều này sẽ gây ra hậu quả lâu dài trong một thế giới mà hơn 2 tỷ người đã phải đối mặt với tình trạng khan hiếm nước. Tình trạng hạn hán nghiêm trọng tại khu vực Sừng châu Phi, lũ lụt kinh hoàng ở Nam Phi cũng như thời tiết nắng nóng khắc nghiệt ở Ấn Độ và Pakistan là minh chứng cho thấy thiên tai do biến đổi khí hậu đã và đang gây thiệt hại hàng trăm tỷ USD cho nền kinh tế, đe dọa tới cuộc sống của người dân, đồng thời gây những “cú sốc” cho an ninh lương thực



và an ninh nguồn nước trên toàn cầu.

Nhân dịp này, Tổng Thư ký LHQ António Guterres ra lời kêu gọi hành động khẩn cấp nhằm đạt mục tiêu chuyển đổi các hệ thống năng lượng từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang nhiên liệu xanh. Tổng Thư ký Guterres nhấn mạnh, năng lượng tái tạo là con đường duy nhất đảm bảo an ninh năng lượng thực sự, giá điện ổn định và cơ hội việc làm bền vững. Ông khẳng định, nếu các nước cùng hành động, chuyển đổi năng lượng tái tạo có thể là dự án hòa bình của thế kỷ 21. Trước đó vào tháng 11/2021,

gần 200 các nhà lãnh đạo thế giới tham dự Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc (COP26) đã ký Hiệp ước Khí hậu Glasgow. Trong đó lần đầu tiên thừa nhận vai trò của nhiên liệu hóa thạch trong khủng hoảng khí hậu và kêu gọi giảm dần sử dụng than và giảm trợ cấp cho nhiên liệu hóa thạch. Cũng tại Hội nghị này, các nhà lãnh đạo đã nhất trí khẳng định mục tiêu khống chế gia tăng nhiệt độ trung bình trên toàn cầu ở ngưỡng dưới 2 độ C so với mức thời kỳ tiền công nghiệp và quyết tâm theo đuổi các nỗ lực để đạt mục tiêu tăng ở mức 1,5 độ C nhằm

tránh những tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu. Mục tiêu này đòi hỏi phải cắt giảm lớn lượng khí thải CO₂ một cách nhanh chóng và bền vững, bao gồm giảm 45% lượng phát thải CO₂ vào năm 2030 so với mức năm 2010 và về 0 vào khoảng giữa thế kỷ, cũng như giảm sâu phát thải các khí nhà kính khác.

Tình trạng thời tiết cực đoan và cuộc xung đột Nga - Ukraine đang thúc đẩy những nỗ lực chuyển đổi hệ thống năng lượng trên toàn cầu. Trong Tuyên bố kết thúc Hội nghị Bộ trưởng Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) về bảo vệ khí hậu, năng lượng và môi trường vừa qua (diễn ra từ ngày 26 - 27/5/2022), nhóm các nước G7 nhất trí tới năm 2025 sẽ tăng gấp đôi nguồn lực tài chính cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ các nước này khắc phục thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra. Một điểm quan trọng được các bộ trưởng G7 thông qua là lần đầu tiên cam kết mục tiêu tạo ra nguồn điện không carbon tới năm 2035, hướng tới chấm dứt sử dụng điện than. Ngoài ra, G7 cũng sẽ chấm dứt tài trợ cho hoạt động sản xuất nhiên liệu hóa thạch tới cuối năm 2022.

2. Một số tình hình thế giới thời gian gần đây

2.1. Hội nghị tương lai châu Á lần thứ 27 diễn ra từ ngày 26 - 27/5/2022, với chủ đề “Định hình vai trò của châu Á trong một thế giới chia tách”. Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh đánh giá khu vực châu Á đang chứng kiến những chuyển biến sâu sắc mang tính



Hội nghị quốc tế về tương lai châu Á lần thứ 27 được tổ chức tại Tô-ky-ô (Nhật Bản). Ảnh: K.T

lịch sử và nêu một số đề xuất quan trọng nhằm tăng cường hợp tác, duy trì thịnh vượng ở cấp độ khu vực, toàn cầu và phát huy vai trò của châu Á. Trước hết, tăng cường trách nhiệm gìn giữ và kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển và thịnh vượng trên cơ sở mẫu số chung là hợp tác, hiểu biết, lòng tin và trách nhiệm. Đối với vấn đề Biển Đông, cần giải quyết các tranh chấp và bất đồng bằng giải pháp hòa bình, thượng tôn pháp luật, nhất là Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Hai là, châu Á cần tiên phong thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, tinh thần hợp tác và liên kết theo hướng mở, bao trùm, công bằng, bền vững và dựa trên luật lệ. Ba là, các nước cần nỗ lực cùng nhau bảo đảm các nền tảng thúc đẩy sự phục hồi tăng trưởng của các quốc gia và khu vực châu Á, duy trì vai trò của châu Á là một động lực then chốt của tăng trưởng toàn cầu. Bốn là, châu Á cần tiên phong khởi xướng, thúc

đẩy các động lực mới cho phát triển như khoa học công nghệ, công nghệ số, tăng trưởng xanh. Năm là, châu Á cần tiếp tục đẩy mạnh hội nhập và liên kết với các khu vực và các đối tác then chốt trên thế giới.

2.2. Việt Nam được bầu làm Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) khóa 77, nhiệm kỳ 2022 - 2023: Việt Nam sẽ đảm nhiệm vị trí này trong 01 năm kể từ ngày 13/9/2022. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch

Đại hội đồng có vai trò quan trọng, quyết định trong việc tổ chức và điều hành các sự kiện lớn cấp cao của Đại hội đồng LHQ, dẫn dắt xây dựng các văn kiện, tiến trình lớn của LHQ. Đặc biệt, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Đại hội đồng đóng vai trò trung gian, xử lý những phức tạp, mâu thuẫn, khác biệt phát sinh giữa các nước thành viên LHQ trong quá trình thảo luận, trao đổi, qua đó thúc đẩy và duy trì sự đoàn kết, đồng thuận, kết nối tại LHQ. Đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại một trong sáu cơ quan chính của LHQ, Việt Nam sẽ có thêm nhiều cơ hội thúc đẩy quan hệ song phương với các nước, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho đất nước, nhất là trong bối cảnh kỷ niệm 45 năm Việt Nam gia nhập LHQ.

2.3. Hội nghị Thượng đỉnh an ninh châu Á (Đối thoại Shangri-La) năm 2022 diễn ra từ ngày 10 - 12/6 tại Singapore dưới hình thức trực tiếp. Tại Hội nghị, nhiều chính sách, cam kết của các nước đối với an ninh khu vực châu Á -Thái Bình Dương



Ngày 7/6, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu các chức danh Chủ tịch và các Phó Chủ tịch của cơ quan này khóa 77



Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Phan Văn Giang phát biểu tại Đối thoại Shangri-La ngày 11/6. Ảnh: K.T

đã được công bố. Cuộc khủng hoảng ở Ukraine và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung là những nội dung chính chi phối diễn đàn. Trong Hội nghị và các hoạt động bên lề, Mỹ và các đồng minh tiếp tục lên án các hành vi của Trung Quốc liên quan đến Biển Đông và biển Hoa Đông. Phát biểu tại phiên họp toàn thể cuối cùng, Bộ trưởng Quốc phòng Singapore Ng Eng Hen đã đưa ra Tầm nhìn Kishida vì Hòa bình, cho rằng châu Á phải tiếp tục thúc đẩy hòa bình, hợp tác. Đồng thời, khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ đối với “Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Tại Hội nghị, Việt Nam cũng khẳng định chủ trương tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tăng cường xây dựng lòng tin chiến lược; mở rộng hợp tác quốc phòng để nâng cao khả năng bảo vệ đất nước, cùng nhau giải quyết các thách thức an ninh chung, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

3. Chiến lược kinh tế mới của Mỹ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF)

Ngày 27/10/2021, tại Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) lần thứ 16, Tổng thống Mỹ Joe Biden đề cập tới việc hình thành một khuôn khổ hợp tác kinh tế mới - Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF). Trong chuyến công du châu Á cuối tháng 5/2022, Tổng thống Mỹ Joe Biden đã chính thức khởi động Chiến lược kinh tế mới này của Mỹ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương qua sự đồng tình ủng hộ sáng kiến và cam kết sẽ tham gia và hợp tác chặt chẽ với Mỹ của Nhật Bản.

Theo thông cáo do Mỹ công bố, IPEF sẽ củng cố các mối quan hệ của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. IPEF sẽ tạo ra một nền kinh tế mạnh mẽ hơn, công bằng hơn, linh hoạt hơn cho những gia đình, người lao động và doanh nghiệp ở Mỹ và trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái

Bình Dương. Với 4 trụ cột chính để thiết lập các cam kết tiêu chuẩn cao nhằm tăng cường sự can dự kinh tế của Mỹ trong khu vực, gồm:

Nền kinh tế kết nối: Về thương mại, Mỹ sẽ tham gia toàn diện với các đối tác về nhiều vấn đề. Mỹ sẽ theo đuổi các quy tắc tiêu chuẩn cao về lộ trình trong nền kinh tế kỹ thuật số, bao gồm các tiêu chuẩn về luồng dữ liệu xuyên biên giới và nội địa hóa dữ liệu.

Nền kinh tế phục hồi: Mỹ sẽ tìm kiếm các cam kết đầu tiên về chuỗi cung ứng nhằm dự đoán và ngăn chặn hiệu quả hơn sự gián đoạn chuỗi cung ứng, từ đó tạo ra một nền kinh tế linh hoạt hơn và phòng tránh các đợt tăng giá làm tăng chi phí cho các gia đình Mỹ.

Nền kinh tế sạch: Mỹ sẽ tìm kiếm các cam kết ưu tiên về năng lượng sạch, trung hòa carbon và cơ sở hạ tầng, vốn thúc đẩy việc làm được trả lương cao. Mỹ sẽ theo đuổi các mục tiêu cụ thể, có tham vọng cao nhằm tăng cường nỗ lực giải quyết khủng hoảng khí hậu, bao gồm các lĩnh vực năng lượng tái tạo, khử carbon, những tiêu chuẩn hiệu quả năng lượng và các biện pháp mới chống phát thải khí methane.

Nền kinh tế công bằng: Mỹ sẽ tìm kiếm những cam kết để ban hành và thực thi những cơ chế về thuế, chống rửa tiền và chống hối lộ hiệu quả, nhằm thúc đẩy một nền kinh tế công bằng. Các điều khoản này sẽ gồm trao đổi thông tin thuế, hình sự hóa hành vi hối lộ theo các tiêu chuẩn của Liên hợp quốc và thực hiện hiệu quả những khuyến nghị về quyền

sở hữu có lợi nhằm tăng cường trấn áp nạn tham nhũng.

Theo Phó Chủ tịch tại Viện Chính sách Xã hội châu Á, nguyên quyền Phó Đại diện Thương mại Mỹ Wendy Cutler, IPEF sẽ là “phương tiện cho sự quay trở lại về kinh tế của Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, đồng thời hy vọng khuôn khổ này sẽ “giúp lấp đầy khoảng trống được tạo ra khi Mỹ rời khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)”.

Đáp lại động thái trên của Mỹ, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Ông Văn Bân cho rằng, Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF) phục vụ lợi ích của Mỹ và nhằm tìm cách tách rời các nước khỏi Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Về quan điểm của Việt Nam, phát biểu trong Lễ công bố khởi động thảo luận về Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF), Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính

nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh mô hình tăng trưởng, liên kết kinh tế theo hướng bền vững hơn, tự cường hơn, phát huy tối đa nội lực, kết hợp với tối ưu hóa ngoại lực; đề cao chủ nghĩa đa phương và tăng cường đoàn kết quốc tế trên nền tảng của sự chân thành, lòng tin và trách nhiệm. Thủ tướng cho rằng, trong quá trình thảo luận về IPEF cần hướng đến một khuôn khổ hợp tác mang lại lợi ích thiết thực cho người dân. Đó nên là một quá trình mở, bao trùm, cân bằng, phù hợp với luật pháp quốc tế, đáp ứng lợi ích hợp pháp và chính đáng của các bên liên quan. Việt Nam sẽ cùng các nước ASEAN và các đối tác liên quan tiếp tục thảo luận, làm rõ hơn nội hàm của các trụ cột hợp tác, đem lại một chương trình nghị sự kinh tế tích cực, hiệu quả, khả thi cho khu vực và cho mỗi nước; vì hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển, và thịnh vượng trong khu vực và trên toàn thế giới.

Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng

nêu rõ, đây là sự kiện khởi động cho quá trình thảo luận. Trong quá trình thảo luận, Việt Nam sẽ cùng với các nước ASEAN và các đối tác liên quan trao đổi, làm rõ các nội hàm của IPEF, tập trung vào bốn trụ cột. Việc tham gia của mỗi nước, trong đó có Việt Nam, sẽ phụ thuộc vào kết quả của quá trình thảo luận.

4. Chính sách đối ngoại của Philippines dưới thời tân Tổng thống Ferdinand Marcos Jr.

Ngày 09/5/2022, Philippines đã tổ chức thành công cuộc bầu cử Tổng thống với chiến thắng áp đảo thuộc về tân Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. Ông Marcos Jr. là ứng viên tổng thống đầu tiên giành được hơn 50% số phiếu ủng hộ kể từ năm 1986 đến nay và là Tổng thống thứ 17 của Philippines. Theo luật pháp của Philippines, Tổng thống sẽ là người đứng đầu lực lượng vũ trang và nắm quyền hoạch định chính sách đối ngoại của đất nước trong nhiệm kỳ 6 năm tới.

Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. là con trai duy nhất của cố tổng thống Philippines Ferdinand E. Marcos, người giữ chức vụ tổng thống trong giai đoạn 1965 - 1986 của Philippines và cũng là người thiết lập mối quan hệ chính thức với Trung Quốc vào năm 1975. Giới quan sát cho rằng, Tổng thống Marcos Jr. nhiều khả năng sẽ bị ảnh hưởng bởi các chính sách của cha ông, cũng như của người tiền nhiệm Rodrigo Duterte, dẫn tới việc tiếp tục duy trì triển vọng hợp tác với Trung Quốc trong khi



**Tàu USS Ralph Johnson của Mỹ đi qua eo biển Đài Loan ngày 26/2/2022.
Ảnh: K.T**



Ông Ferdinand Marcos Jr. gặp gỡ người ủng hộ sau chiến thắng bầu cử.
Ảnh: K.T

quan hệ với Mỹ vẫn là trọng điểm. Chính quyền của tân Tổng thống Marcos Jr. đang đối mặt với nhiều thách thức, trong đó nổi bật là việc cần nhanh chóng phục hồi kinh tế hậu đại dịch và duy trì lợi ích quốc gia trước sự cạnh tranh ngày càng sâu sắc giữa Mỹ và Trung Quốc. Ngoài ra, giới phân tích nhận định chính quyền mới của ông Marcos Jr. sẽ phải đối mặt với hàng loạt thách thức liên quan tới tình trạng nghèo đói kéo dài, tỷ lệ thất nghiệp cao, sự gia tăng bất bình đẳng và chia rẽ chính trị sâu sắc. Trong những phát biểu của mình, Tổng thống Marcos Jr khẳng định sau khi nhậm chức sẽ tập trung giải quyết các vấn đề quan trọng là giá năng lượng, việc làm, cơ sở hạ tầng và giáo dục.

Trong quan hệ đối ngoại, theo những phát biểu trong thời gian tranh cử, Tổng thống Marcos Jr. cho thấy một thái độ “thân thiện” với Trung Quốc. Ông Marcos cho rằng Biển Đông không phải là tất

cả trong mối quan hệ giữa hai nước và do đó không thể lấy phán quyết của Tòa Trọng tài làm điều kiện tiên quyết để đối thoại. Đồng thời, ông không tán đồng việc lợi dụng Mỹ để giải quyết tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc. Thay vào đó, ông ủng hộ việc tìm kiếm các giải pháp thông qua các cơ chế đa phương như ASEAN và Liên hợp quốc, đồng thời, kiên trì đối ngoại song phương với Trung Quốc. Điều này được cho là sẽ đảm bảo cho việc ngư dân Philippines được tiếp tục tiếp cận quần đảo Trường Sa và bãi cạn Scarborough. Trong quan hệ với Trung Quốc, nhiều nhà phân tích cho rằng chính quyền của Tổng thống Marcos Jr. sẽ tăng cường thúc đẩy quan hệ kinh tế với Trung Quốc để thu hút đầu tư tạo việc làm và xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là trong quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19.

Quan hệ với Mỹ vẫn sẽ là trọng tâm của chính quyền

mới. Ông Marcos gọi liên minh với Mỹ là “rất quan trọng” và nhiều lần tuyên bố sẽ không chấm dứt Hiệp ước phòng thủ chung và Thỏa thuận thăm viếng quốc phòng Mỹ - Philippines. Mỹ là đồng minh truyền thống của Philippines và có ảnh hưởng sâu rộng tại quốc gia này. Trong cuộc họp báo ngày 10/5/2022, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ Ned Price nhận định, vẫn còn quá sớm để bình luận về kết quả bầu cử Philippines cùng những tác động lên quan hệ giữa hai nước và Mỹ “trông đợi làm mới quan hệ đối tác đặc biệt” với Philippines.

5. Khủng hoảng lương thực toàn cầu

Sau hai năm chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19, thế giới lại tiếp tục phải đương đầu với những bất ổn về an ninh năng lượng khi giá dầu thô tăng cao và mối đe dọa ngày càng hiện hữu của cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu. Liên hợp quốc đã lên tiếng cảnh báo về nguy cơ xảy ra nạn đói kéo dài nhiều năm nếu cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu hiện nay không được giải quyết.

Theo Liên hợp quốc, chỉ trong 02 năm đại dịch Covid-19, số người rơi vào cảnh mất an ninh lương thực nghiêm trọng đã tăng gấp đôi - từ 135 triệu người lên 276 triệu người. Giá lương thực tăng hơn 30%, giá phân bón tăng hơn 50% và giá dầu mỏ tăng hơn 60%. Những nguyên nhân chính bao gồm biến đổi khí hậu với sự nóng lên toàn cầu, đại dịch Covid-19 và cuộc xung đột Nga - Ukraine.

Tổ chức Lương Nông Liên hợp quốc (FAO) cho rằng, các nước nghèo đang chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu khi buộc phải trả nhiều tiền hơn nhưng nhận được ít lương thực hơn. Theo báo cáo Triển vọng lương thực của FAO, hóa đơn nhập khẩu lương thực toàn cầu trong năm nay được dự báo tăng lên mức kỷ lục mới 1.800 tỷ USD. Sự gia tăng này chủ yếu do giá cả các mặt hàng và chi phí vận chuyển tăng chứ không phải do khối lượng hàng hóa tăng. FAO ước tính tổng giá trị hóa đơn nhập khẩu lương thực

giới rơi vào “cơn bão đói và suy thoái hệ thống lương thực toàn cầu”. Giám đốc điều hành Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) David Beasley cho biết, mức độ mất an ninh lương thực hiện nay là “chưa từng thấy kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai”. Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) cảnh báo tác động của giá cả đối với an ninh lương thực toàn cầu có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng địa chính trị. Điều này đã từng xảy ra khi chi phí ngũ cốc tăng vọt - khiến giá bánh mì ở Ai Cập tăng 37% - đã góp phần tạo ra làn sóng cách mạng với

trực tiếp tới việc thực hiện mục tiêu toàn cầu nhằm chấm dứt nạn đói vào năm 2030 theo Chương trình nghị sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

VĂN BẢN MỚI

1. Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

Đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp là cây trồng như lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê; vật nuôi như trâu, bò, lợn; nuôi trồng thủy sản như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra.

Mức hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cụ thể là: 1) Cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có): Hỗ trợ mức tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 2) Cá nhân sản xuất nông nghiệp không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo quy định tại khoản 1 Điều này: Hỗ trợ mức tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 3) Tổ chức sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ mức tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) khi đáp ứng đầy đủ quy định sau: a) Doanh nghiệp được thành



toàn cầu trong năm nay tăng 51 tỷ USD so với năm 2021, trong đó gần như toàn bộ (49 tỷ USD) là do giá cả leo thang. Sản lượng các loại ngũ cốc chính trên thế giới dự kiến sẽ giảm trong năm nay, đánh dấu giảm lần đầu tiên trong 04 năm qua, trong khi khối lượng tiêu thụ toàn cầu cũng giảm lần đầu tiên trong 20 năm qua. Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres nhận định, tình hình ở Ukraine có thể khiến thế

các cuộc nổi dậy, biểu tình phản đối chưa có tiền lệ tại các nước Ả Rập. Năm 2008, giá lương thực leo thang làm bùng nổ các cuộc bạo động và biểu tình trên toàn cầu. Trước tình hình trên, một số quốc gia trên thế giới đã bắt đầu hạn chế xuất khẩu một số mặt hàng thiết yếu. Trong khi các nước Afghanistan, Somalia, Nam Sudan và Yemen đều đang đối mặt với nguy cơ xảy ra nạn đói. Tình trạng này đang đe dọa

lập theo Luật Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã. b) Có hợp đồng liên kết gắn với sản phẩm nông nghiệp là các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, đảm bảo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). c) Có sản phẩm nông nghiệp là các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp được chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền hoặc được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định pháp luật về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Rủi ro được bảo hiểm được hỗ trợ đối với cây lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê: Thiên tai đối với cây lúa bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thiên tai đối với cây cao su, hồ tiêu, điều, cà phê bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, lũ, lũ quét, ngập lụt, mưa đá, sương muối. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dịch bệnh đối với cây lúa bao gồm bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen, đạo ôn, bạc lá, đốm sọc; dịch rầy nâu, rầy lưng trắng; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu nân; chuột. Dịch bệnh phải được công bố hoặc xác nhận

của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không hỗ trợ cho các rủi ro dịch bệnh đối với cây cao su, hồ tiêu, điều, cà phê.

Rủi ro được bảo hiểm được hỗ trợ đối với trâu, bò, lợn. Thiên tai bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dịch bệnh bao gồm bệnh lở mồm long móng, tai xanh ở lợn (hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn), nhiệt thán, xoắn khuẩn. Dịch bệnh phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Rủi ro được bảo hiểm được hỗ trợ đối với tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra: Thiên tai bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc



dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, mưa đá, động đất, sóng thần. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Không hỗ trợ cho các rủi ro dịch bệnh đối với tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra.

Địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp: Đối với cây trồng như lúa tại các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp; cao su tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai; cà phê tại các tỉnh Sơn La, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước; hồ tiêu tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu; điều tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai; vật nuôi như trâu, bò tại các tỉnh, thành phố Hà Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương; lợn tại các tỉnh, thành phố Bắc Giang, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai; tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, tại các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Thời gian thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

2. Quyết định số 627/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/5/2022 về bổ sung dự toán chi ngân sách

Nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội và chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí

Bổ sung 512 tỷ đồng từ nguồn chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của ngân sách Trung ương năm 2022 để thực hiện các Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020, Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021, Quyết định số 2096/QĐ-TTg ngày 14/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ cho các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản 4171/BTC-HCSN ngày 11/5/2022, cụ thể:

Bổ sung 67,4 tỷ đồng cho các Bộ, cơ quan Trung ương, gồm: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 59,4 tỷ đồng; Bộ Y tế: 2 tỷ đồng; Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1 tỷ đồng; Bộ Tư pháp: 1 tỷ đồng; Bộ Công an: 1 tỷ đồng; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 1 tỷ đồng; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: 1 tỷ đồng; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 1 tỷ đồng.

Bổ sung 444,6 tỷ đồng cho các địa phương:

Miền núi phía Bắc: 105.300 triệu đồng, gồm các tỉnh: Hà Giang 19.200 triệu; Tuyên Quang 200 triệu; Cao Bằng 200 triệu; Lạng Sơn 19.200 triệu; Lào Cai 200 triệu; Yên Bái 200 triệu; Thái Nguyên 18.200 triệu; Bắc Kạn 700 triệu; Phú Thọ 19.200 triệu; Bắc Giang 5.200 triệu; Hòa Bình 200 triệu; Sơn La 5.200 triệu; Lai Châu 200 triệu; Điện Biên 17.200 triệu.

Đồng bằng sông Hồng

73.700 triệu đồng, gồm các tỉnh: Hà Nội 19.200 triệu; Hải Phòng 200 triệu; Quảng Ninh 200 triệu; Hải Dương 700 triệu; Hưng Yên 19.200 triệu; Vĩnh Phúc 200 triệu; Bắc Ninh 200 triệu; Hà Nam 19.200 triệu; Nam Định 200 triệu; Ninh Bình 200 triệu; Thái Bình 14.200 triệu.

Miền Trung 97.800 triệu đồng, gồm các tỉnh: Thanh Hóa 18.200 triệu; Nghệ An 19.200 triệu; Hà Tĩnh 8.200 triệu; Quảng Bình 200 triệu; Quảng Trị 19.200 triệu; Thừa Thiên Huế 200 triệu; Đà Nẵng 200 triệu; Quảng Nam 200 triệu; Quảng Ngãi 200 triệu; Bình Định 19.200 triệu; Phú Yên 200 triệu; Khánh Hòa 12.200 triệu; Ninh Thuận 200 triệu; Bình Thuận 200 triệu.

Tây Nguyên 44.000 triệu đồng, gồm các tỉnh: Đắk Lắk 19.200 triệu; Đắk Nông 200 triệu; Gia Lai 9.200 triệu; Kon Tum 200 triệu; Lâm Đồng 15.200 triệu.

Đồng Nam Bộ 19.700 triệu đồng, gồm các tỉnh: TP. Hồ Chí Minh 200 triệu; Đồng Nai 200 triệu; Bình Dương 200 triệu; Bình Phước 18.700 triệu; Tây Ninh 200 triệu; Bà Rịa - Vũng Tàu 200 triệu.

Đồng bằng Sông Cửu Long 104.100 triệu đồng, gồm các tỉnh: Long An 700 triệu; Tiền Giang 19.200 triệu; Bến Tre 200 triệu; Trà Vinh 19.200 triệu; Vĩnh Long 200 triệu; Cần Thơ 200 triệu; Hậu Giang 200 triệu; Sóc Trăng 19.200 triệu; An Giang 6.200 triệu; Đồng Tháp 200 triệu; Kiên Giang 200 triệu; Bạc Liêu 19.200 triệu; Cà Mau 19.200 triệu...

H.H



TRẦN LỘC

Ngày 25/5/2022, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Theo đánh giá: Thời gian qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuyển đổi số nên đạt một số kết quả quan trọng: Hạ tầng thông tin và truyền thông được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng xu hướng truyền thông hội tụ. Một số ứng dụng CNTT kết nối đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng được thực hiện đồng bộ. Cổng thông tin điện tử của tỉnh tích hợp triển khai liên thông với trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND cấp

huyện. Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được xây dựng tập trung, thống nhất, hệ thống liên thông từ cấp xã lên cấp huyện, cấp tỉnh và kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Công nghệ số đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong một số ngành, lĩnh vực...

Tuy nhiên, công tác chuyển đổi số còn một số hạn chế: Hạ tầng kỹ thuật đầu tư dàn trải và thiếu đồng bộ; chậm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin triển khai các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, chuyển đổi số; tài nguyên dữ liệu số chưa khai thác hiệu quả; dịch vụ đô thị thông minh chưa nhiều, chưa tạo sự lan tỏa; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số... Các doanh nghiệp chưa

thật sự chủ động trong chuyển đổi số; công nghiệp công nghệ thông tin chưa phát triển... Công tác đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn nhiều khó khăn, thách thức.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy yêu cầu thời gian tới cần bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao

Với mục tiêu: Triển khai áp dụng công nghệ số, dữ liệu số để đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả

hoạt động cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, tạo động lực phát triển xã hội số; tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh về y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp,... Cụ thể:

Đến năm 2025: Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội: 100% các văn bản, tài liệu chính thức không mật (theo quy định) trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan; 100% cơ quan đảng các cấp của tỉnh sử dụng cổng thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web; 100% tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định số hoá tài liệu.

Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: Tối thiểu 80% và phần đầu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; Tối thiểu 90% và phần

đầu 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP của tỉnh; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%; Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số: Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%. Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%. Phần đầu Lâm Đồng vào nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số.

Đến năm 2030: Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động: Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại

cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%; Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 8%.

Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số: Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt trên 70%; Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%; Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ đề ra 07 nhóm nhiệm vụ giải pháp về phát triển nền tảng cho chuyển đổi số; phát triển chính quyền số; thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội; Phát triển kinh tế số; Phát triển xã hội số; chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên; nguồn lực chuyển đổi số... nhằm thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2030.

T.L

Chú trọng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

 **BAN BIÊN TẬP**

Ngày 25/5/2022, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Theo đánh giá của Tỉnh ủy, giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP khu vực công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011 - 2015 đạt 22,5%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,5%; tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực. Năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994) tăng 2,8 lần so với năm 2010, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 22,5%; đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) gấp 1,62 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,2%/năm, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng 9%. Toàn tỉnh hiện có 8.638 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp. Ngành công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng phát triển đúng hướng, khai thác có hiệu quả các lợi thế, tiềm năng của tỉnh; nhiều công trình năng lượng tái tạo, một số dự án mới (nhà máy bia Sài Gòn - Lâm



Dệt thổ cẩm ở xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt

Đồng, nhà máy Sợi len lông cừu, nhà máy sản xuất Dược phẩm Nanogen tiêu chuẩn Châu Âu, tổ hợp Bô xít Nhôm hoạt động vượt công suất thiết kế) được đầu tư, đi vào hoạt động góp phần phát triển kinh tế và làm tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Có 02 khu công nghiệp và 07 cụm công nghiệp thu hút 121 dự án (trong đó 28 dự án FDI). Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 708,5 triệu USD, gấp 1,68 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11%/năm, thị trường xuất khẩu với hơn 40

nước trên thế giới. Sản phẩm nông nghiệp qua sơ chế, chế biến đạt 45%, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu. Thương hiệu sản phẩm công nghiệp chế biến của tỉnh khẳng định được vị trí trên thị trường trong và ngoài nước; một số nông sản chế biến sâu có giá trị gia tăng lớn, chất lượng cao tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu. Tiểu thủ công nghiệp phát triển gắn với ngành du lịch và tham gia xây dựng nông thôn mới; ngành chế biến tơ tằm được khôi phục và phát triển tốt; sản phẩm

thủ công mỹ nghệ truyền thống tiếp tục được duy trì phát triển.

Mặc dù công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tuy có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP còn thấp (khu vực II chiếm 19,64% trong cơ cấu kinh tế, trong đó công nghiệp chiếm 12,96%); ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển chậm, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; một số sản phẩm tăng trưởng bình quân giai đoạn sau giảm so với giai đoạn trước như: Chè chế biến, sợi tơ tằm, lụa tơ tằm; các sản phẩm từ nông nghiệp chủ yếu là sơ chế hoặc chế biến một phần nên giá trị gia tăng thấp; năng suất lao động, khả năng đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo còn hạn chế; một số sản phẩm tiểu thủ công nghiệp chưa đa dạng mẫu mã, chất lượng chưa cao; thiếu lao động có tay nghề và chuyên môn cao; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương còn khiêm tốn; nguồn vốn đầu tư cho phát triển ngành công nghiệp còn hạn chế, trừ lĩnh vực năng lượng.

Nhằm phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh uỷ xác định 03 quan điểm chỉ đạo:

Một là, phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của cả nước. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Hai là, tập trung phát triển

công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất công nghiệp có công nghệ hiện đại, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

Ba là, phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của tỉnh.

Với mục tiêu chung: ... Đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao, một số sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế.

Cùng các mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Phấn đấu giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 11,5% - 12%/năm; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 11,9% - 12,3%/năm; Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 65% cơ cấu ngành công nghiệp; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện chiếm 28%; Phấn đấu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 13 - 14%/năm; Hình thành các chuỗi liên kết bền vững giữa sản

xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Định hướng đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 13 - 14,5%/năm; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,7 - 16,5%/năm; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14 - 15%/năm; Duy trì, phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ đề ra 08 nhóm nhiệm vụ giải pháp về: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; Phát triển các khu, cụm công nghiệp tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo; Phát triển công nghiệp năng lượng dựa trên lợi thế của tỉnh; Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn; Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp; Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; phát huy vai trò các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội... để phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

B.B.T

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG trong công tác cải cách hành chính

 THÚY NGÀ

Ngày 15/5/2022, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đưa ra những mục tiêu và giải pháp thực hiện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Yêu cầu của Tỉnh ủy trong công tác CCHC của tỉnh hiện nay là cần bám sát các nghị quyết của Trung ương, của Chính phủ, căn cứ vào Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp vào công tác CCHC tại địa phương, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính. Đổi mới đồng bộ trong hệ thống chính trị, thống nhất liên thông giữa cải cách hành chính của cơ quan nhà nước với cải cách hành chính trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng là nội dung quan trọng, là quá trình liên tục đặt trong tổng thể cải cách



Bộ phận một cửa tại Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng. Ảnh: K.T

hành chính của hệ thống chính trị nhằm góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội cũng như công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới; Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, yêu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Thực hiện công tác cải cách hành chính trên cơ sở kế thừa, phát huy những thành tựu

đạt được và tiếp thu những kinh nghiệm, bài học thành công của địa phương, các tỉnh, thành phố khác trong cả nước để tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn tại địa phương; Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện công tác cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

Tỉnh ủy yêu cầu chú trọng cải cách hành chính trong Đảng: Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Kịp thời sửa đổi các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp theo hướng đơn giản thủ tục, thuận tiện, thống nhất trong thực hiện; nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan đảng các cấp nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở.

Đến năm 2025: 100% các văn bản, tài liệu chính thức (trừ tài liệu có độ mật theo quy định): Trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan; trao đổi giữa các cơ quan đảng tỉnh với các cơ quan đảng ở Trung ương được gửi, nhận dưới dạng điện tử, có tệp điện tử gắn kèm và được xác thực chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan; 100% các văn bản, tài liệu chính thức (theo quy định) của các đối tượng khác (tổ chức, cá nhân...) gửi đến các cơ quan đảng được số hóa, cập nhật hoặc tích hợp vào Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan; 100% các cơ quan đảng cấp tỉnh và cấp huyện kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng với băng thông rộng, kết nối Internet có quản lý và kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định,

đảm bảo an toàn, an ninh mạng; 100% các cơ quan đảng các cấp của tỉnh sử dụng cổng thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

Đến hết năm 2022, Ngành Tổ chức xây dựng Đảng triển khai thực hiện phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (OMS) trong phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo tính liên thông từ khối Đảng - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với khối Chính quyền, liên thông từ tỉnh đến huyện và đảm bảo quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ cán bộ được số hóa chuyển từ hồ sơ trên giấy sang hồ sơ điện tử (trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước). Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các phẩm mềm theo quy định.

Đồng thời, phấn đấu chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm đạt trên 85%; đến năm 2025, chỉ số CCHC đạt 86% và phấn đấu đến năm 2030, chỉ số CCHC đạt 88%; phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Lâm Đồng được xếp hạng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính cao trong cả nước và đến năm 2030 xếp hạng vào nhóm 20 tỉnh, thành phố có điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính cao trong cả nước.

Chỉ số hài lòng (Sipas): Mức độ hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập; lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 85%.

Đối với từng lĩnh vực cải cách hành chính, Tỉnh ủy yêu cầu thực hiện các mục tiêu cụ thể:

Thứ nhất, về Cải cách thể chế, mục tiêu đến năm 2025: Cơ bản hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của tỉnh; Đảm bảo việc tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội; các quy định pháp luật được triển khai đồng bộ, nghiêm túc kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật nhằm kiến nghị, đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật để công tác quản lý nhà nước ngày càng nâng cao góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách thể chế...; Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân các cấp theo quy trình luật định, 100% văn bản QPPL được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, về cải cách thủ tục hành chính: Mục tiêu đến năm 2025: Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, huyện, xã đạt 100% để đảm bảo

việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Tối thiểu 80% và phần đầu 100% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ; Tối thiểu 80% và phần đầu 90% thủ tục hành chính của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. Định hướng đến năm 2030: Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

Thứ ba, về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Mục tiêu đến năm 2025: Phần đầu giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế

sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

Thứ tư, về cải cách chế độ công vụ: Mục tiêu đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Định hướng đến năm 2030: Từ 25 - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

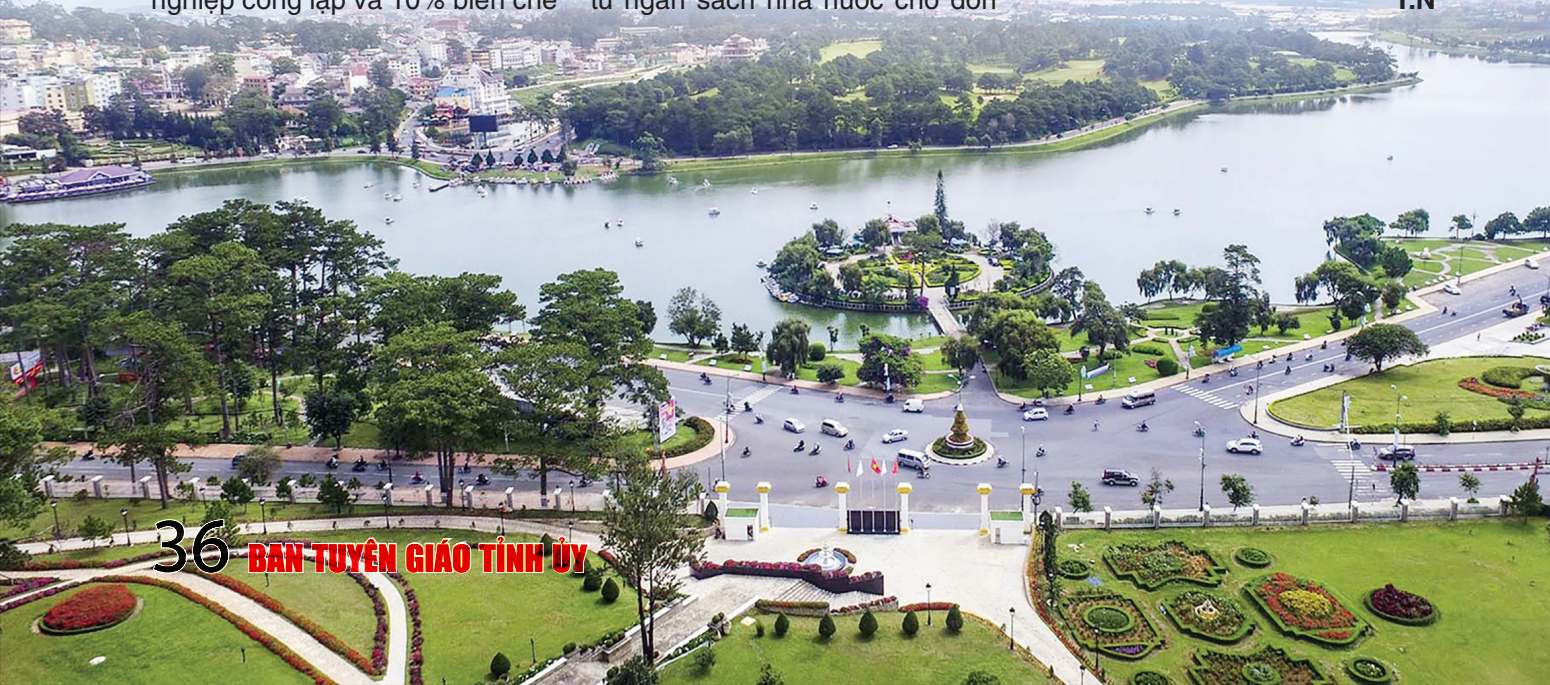
Thứ năm, về cải cách tài chính công: Mục tiêu đến năm 2025: Phần đầu tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; phần đầu 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc chuyển đổi thành công ty cổ phần. Định hướng đến năm 2030: Phần đầu giảm 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn

vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

Thứ sáu, về xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số: Mục tiêu đến năm 2025: Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; Tối thiểu 90% và phần đầu 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Mục tiêu đến năm 2030: 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ có nội dung mật); 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đề ra 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhằm thực hiện thắng lợi các nội dung mà Nghị quyết 14-NQ/TU đã đề ra.

T.N



CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI vùng đồng bào dân tộc thiểu số

 HỒNG VĨNH

Ngày 03/6/2022, Tỉnh ủy Lâm Đồng ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU về “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030”.

Theo đánh giá của Tỉnh ủy: Trong những năm qua, cùng với việc thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào DTTS; tỉnh Lâm Đồng đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách đối với đồng bào DTTS trên địa bàn. Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về đầu tư toàn diện vùng DTTS đảm bảo kịp thời, đồng bộ, phù hợp; cùng với sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của đồng bào các dân tộc trong tỉnh nên công tác phát triển vùng DTTS có chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, mọi mặt đời sống xã hội.

Nhờ đó, kinh tế - xã hội vùng DTTS từng bước được đầu tư hoàn thiện, làm thay đổi diện mạo của nông thôn vùng DTTS; sản xuất nông nghiệp ổn định và phát triển; công tác giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội được chú trọng. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS không ngừng

được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS giảm nhanh, đến cuối năm 2020 giảm còn 3,58% (2.793 hộ); đến cuối năm 2021 giảm còn 8,55% (6.739 hộ, theo tiêu chí mới); 73/77 xã vùng DTTS đạt chuẩn nông thôn mới; 45/49 xã và 80/129 thôn đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn III; công tác bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do được các địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện (với 07 dự án, quy mô bố trí ổn định 1.411 hộ với tổng nguồn vốn 515 tỷ đồng), tạo thuận lợi cho các hộ dân được cấp hộ khẩu, đăng ký tạm trú để hưởng các chính sách an sinh xã hội;

hạ tầng đường giao thông, kiên cố hóa trường lớp học, công trình y tế, thiết chế văn hóa, hệ thống cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng vùng DTTS được triển khai đầu tư; thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án đầu tư phát triển vùng DTTS (giai đoạn 2016 - 2020, tổng các nguồn vốn đầu tư vùng DTTS cả tỉnh là 3.700 tỷ đồng, trong đó Vốn NSNN đầu tư trực tiếp 1.900 tỷ đồng); tiếp tục thực hiện chính sách giao khoán quản lý bảo vệ rừng với trên 12.458 hộ đồng bào DTTS được hưởng lợi, diện tích 311.000 ha.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng DTTS đảm bảo; khối đại đoàn kết toàn



Mô hình trồng cây ăn trái mang lại hiệu quả cao góp phần giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Đam Rông

dân được củng cố và tăng cường. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn cán bộ người DTTS; không ngừng kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vùng DTTS hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh, điều kiện từng vùng; nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững, còn nguy cơ tái nghèo; việc ứng dụng, chuyển giao khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống chưa nhiều, người dân chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất; một số phong tục, tập quán lạc hậu trong vùng DTTS chậm loại bỏ. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp; hoạt động tôn giáo trái phép một số nơi còn diễn ra; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, sang nhượng đất đai trái phép xảy ra nhiều nơi; mê tín dị đoan, tín dụng đen, an ninh, trật tự nông thôn còn phức tạp...

Trên cơ sở Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; với mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, giảm nghèo nhanh, toàn diện và bền vững Tỉnh ủy xác định 3 quan điểm chỉ đạo, 3 mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS nhằm đạt được mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người trong vùng DTTS đạt từ 84 - 87 triệu đồng (bằng 70% thu nhập bình quân đầu người

của tỉnh); Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm trên 3,0%/năm; Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân di cư tự do (tập trung, xen ghép). Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào theo quy hoạch, kế hoạch; Từ 50% số lao động trở lên trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với 4 nhu cầu, điều kiện của người DTTS; Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người dân từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa, lễ hội truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; từ 70% số thôn trở lên có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là người DTTS tại chỗ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương theo quy định...

Đến năm 2030, từ 70% số lao động trở lên trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS; thu hẹp căn bản chênh lệch khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đồng bào dân tộc được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá chất lượng cao; tiếp tục thực hiện nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hoá, xã hội, giảm nghèo nhằm từng bước phát

triển toàn diện, nhanh, bền vững và hội nhập, đảm bảo an ninh, quốc phòng ổn định vững chắc.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy xác định các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác dân tộc; Phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS; Giữ vững quốc phòng, an ninh.

Đồng thời, xác định lộ trình thực hiện như sau: Đối với quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân di cư tự do (tập trung, xen ghép); giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Phấn đấu hoàn thành trước quý II/2024. Đối với các nội dung còn lại: Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, đảm bảo mục tiêu, nội dung đề ra.

Về nguồn lực thực hiện: Theo ngân sách Nhà nước: Ngân sách Trung ương: Nguồn vốn được bố trí từ Chương trình MTQG phát triển vùng DTTS; nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đến năm 2030 và các chương trình, dự án khác; Vốn đối ứng của ngân sách địa phương (giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến vốn đầu tư phát triển nguồn NSDP bố trí đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh là 812 tỷ đồng, trong đó vốn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS 102,334 tỷ đồng).

Nguồn vốn huy động: Nguồn vốn xã hội hóa, thu hút từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn vốn vay tín dụng; từ nguồn nội lực của nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định...

H.V

KINH TẾ - XÃ HỘI LÂM ĐỒNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022: Ổn định, phục hồi và phát triển

 VINH QUANG

6 tháng đầu năm 2022, tình hình thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do dịch bệnh Covid -19; song với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh nên tình hình kinh tế - xã hội vẫn giữ được ổn định, phục hồi và phát triển.

Nổi bật là dịch Covid-19 tiếp tục được kiểm soát hiệu quả. Hầu hết các ngành, lĩnh vực đều đạt kết quả khá, nhiều chỉ tiêu tăng mạnh so với cùng kỳ. Kinh tế tăng trưởng 9,29%, đây là mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm cao nhất trong vòng 10 năm qua; các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các ngành, lĩnh vực trở lại trạng thái bình thường, phục hồi khởi sắc và đạt kết quả đáng ghi nhận. Trong đó: ngành nông, lâm, thủy sản tăng 4,08%; công nghiệp, xây dựng tăng 9,32%; dịch vụ tăng 12,34%. Cơ cấu kinh tế: khu vực I, chiếm 25,4%; khu vực II, chiếm 24,7%; khu vực III, chiếm 49,86%.

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định do thời tiết thuận

lợi cho sinh trưởng và phát triển của cây trồng; tiến độ sản xuất nông nghiệp đảm bảo thời vụ; diện tích gieo trồng, năng suất của hầu hết các nông sản chủ lực đều tăng so với cùng kỳ. Các hoạt động sản xuất, chế biến, lưu thông nông sản đã hoạt động trở lại bình thường. Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 343.382 ha, tăng 2,9% so với cùng kỳ; trong đó, diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 63.896 ha (tăng 788,1 ha so với cùng kỳ); diện tích rau chiếm phần lớn với 26.180 ha, hoa các loại 2.161 ha. Chăn nuôi, thủy sản phát triển tốt, giá bán các sản phẩm gia súc ổn định, dịch bệnh được kiểm soát; tổng đàn gia súc ước đạt khoảng 568,5 ngàn con, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Công tác phòng chống dịch được tăng cường, thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh trên đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch, nhất là phòng Dịch bệnh tả lợn Châu Phi.

Sản xuất công nghiệp, xây dựng tiếp tục phát triển khá, tăng trưởng 9,32%; đặc biệt là lĩnh vực khai khoáng, chế biến, chế tạo, sản xuất và phân phối điện.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng 15,2% so với cùng kỳ.

Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, hoạt động du lịch, dịch vụ sôi động, tăng trưởng mạnh: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 34.518 tỷ đồng, tăng 26,6%; kim ngạch xuất khẩu đạt 436,5 triệu USD, tăng 43,2% so với cùng kỳ, đạt 53,6% kế hoạch. Các mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh như: Alumini và hydroxit nhôm, cà phê, dệt may...

Các đơn vị kinh doanh du lịch tích cực đầu tư, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ và tăng cường tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Tổng lượt khách đến Lâm Đồng 6 tháng đầu năm ước đạt 3.720.000 lượt, tăng 86,5% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 26.000 lượt, tăng 76,4% so với cùng kỳ. Khách qua lưu trú ước đạt 2.220.000 lượt, tăng 117,5% so với cùng kỳ.

Tiến độ thu ngân sách vượt kế hoạch và tăng khá so với cùng kỳ, là điểm sáng trong phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Thu ngân sách nhà nước ước đạt 7.862 tỷ đồng, bằng 71,5% dự toán địa phương, tăng 22,3% so với cùng kỳ; trong đó thu thuế, phí, lệ phí là 5.100 tỷ đồng, bằng 81% dự toán địa phương, tăng 40,4% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 15.569 tỷ đồng, bằng 99,81% dự toán và tăng 16,1% so với cùng kỳ. Giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, cơ bản đạt kế hoạch đề ra: Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 và năm 2021 kéo dài đã giao 6.045,5 tỷ đồng; ước đến ngày 30/6/2022, khối lượng thực đạt 51,5% kế hoạch; số vốn giải ngân đạt 50,4% kế hoạch.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và làm việc với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trong điểm; đồng thời, cùng với Đoàn ĐBQH Quốc hội tỉnh làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kiến nghị Bộ, ngành Trung ương kịp thời tháo gỡ các khó khăn, sớm hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư một số công trình trọng điểm (dự án đường cao tốc đoạn Tân Phú - Bảo Lộc và đoạn Bảo Lộc - Liên Khương; hồ Ta Hoét; các dự án đường giao thông)... nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.

Tình hình hoạt động doanh nghiệp và thu hút vốn đầu tư tiếp tục khởi sắc; số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tiếp tục tăng cả về số lượng và vốn đăng ký. 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 703 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 10.306,8 tỷ đồng, tăng 7,3% về số doanh

niệp và tăng 18,7% về vốn đăng ký; có 226 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 12,4% so cùng kỳ. Đến nay, toàn tỉnh có 11.937 doanh nghiệp đang hoạt động; 05 Liên hiệp hợp tác xã; 479 Hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân. Toàn tỉnh có 09 dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký 703,8 tỷ đồng, quy mô diện tích 77,9 ha; có 24 dự án được điều chỉnh nội dung dự án đầu tư; có 969 dự án đầu tư còn hiệu lực, với vốn đăng ký đầu tư 126.450,4 tỷ đồng, quy mô diện tích 66.923,3ha; trong đó, có 606 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được duy trì và đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đời sống, văn hóa, xã hội của các tầng lớp nhân dân; dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, số ca mắc mới giảm sâu, không ghi nhận thêm ca tử vong; công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống người dân được đảm bảo. Lâm Đồng đã tích cực, chủ động triển khai nhiều biện pháp, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân, người yếu thế bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo chính sách của Trung ương và của Tỉnh gần 430 tỷ đồng. Quốc phòng an ninh được giữ vững, tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo.

Các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh. Đến nay, toàn tỉnh có 107/111 xã (96,4%) đạt chuẩn nông thôn mới, 04 xã đạt từ 15-

18 tiêu chí, 06 xã nông thôn mới nâng cao; có 04 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Đơn Dương, Đức Trọng, Đa Tề, Cát Tiên) và 02 thành phố (Đà Lạt và Bảo Lộc) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Lâm Hà đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; các Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 tăng mạnh cả về điểm và vị trí so với năm 2020: Chỉ số Par Index đạt 86,75 điểm, xếp thứ 29/63 tỉnh, thành, tăng 3 bậc; Chỉ số PAPI tăng mạnh với 43,54 điểm, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành, tăng 45 bậc so với năm 2020; Chỉ số PCI đạt 67,17 điểm, xếp thứ 15/20 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 2,74 điểm và 8 bậc so với năm 2020...

Hy vọng, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Tỉnh ủy; sự chung sức, đồng lòng, quyết tâm cao và ủng hộ của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp; sự phối hợp, đồng hành và giám sát của HĐND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, đúng hướng, thống nhất của UBND tỉnh; các cấp, các ngành và địa phương sẽ phát huy kết quả đạt được, tập trung khắc phục khó khăn, thách thức để nỗ lực, phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu của năm 2022 đã đề ra.

V.Q

GHI NHẬN

từ Hội thi Giảng viên Lý luận chính trị giỏi tỉnh Lâm Đồng năm 2022

 **HOÀNG KHÔI**

Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2022 là hoạt động bổ ích và có ý nghĩa thiết thực để các giảng viên giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm; góp phần nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng giảng dạy của đội ngũ giảng viên chuyên trách của các

trung tâm chính trị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Từ ngày 16-17/6/2022, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi tỉnh Lâm Đồng năm 2022, với sự tham gia của 14 thí sinh là giảng viên chuyên trách của trung tâm chính trị các huyện, thành phố trong tỉnh.

Trước ngày diễn ra Hội thi chính thức, Ban tổ chức Hội thi đã tổ chức cho các thí sinh tham quan Di tích quốc gia Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt, để thí sinh được tham quan, chứng kiến, tìm hiểu về Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt, về hoàn cảnh của các cựu tù thiếu nhi trong quá trình tham gia cách mạng, về các trận đánh gan dạ, mưu trí, về cuộc sống lao tù với bao thử thách khắc nghiệt... góp phần bổ sung thêm kiến thức để nội dung tham gia hội thi thêm phong phú, hấp dẫn.

Phát biểu khai mạc Hội thi, đồng chí Bùi Thắng - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trưởng Ban tổ chức Hội thi khẳng định: Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi tỉnh Lâm Đồng năm 2022 nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của các trung tâm



Đồng chí Bùi Thắng, UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trao giải Nhất cho thí sinh Phạm Thị Nguyệt - Giảng viên trung tâm Chính trị huyện Đơn Dương

Chính trị ở các huyện, thành phố trong tỉnh; tạo điều kiện cho các giảng viên nghiên cứu, tìm tòi bổ sung và làm phong phú thêm nội dung bài giảng, kết hợp và sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Hội thi đã trở thành ngày hội của những người làm công tác giáo dục lý luận chính trị của các huyện, thành phố; phát huy năng lực sư phạm và sự hiểu biết của mình về nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tham gia Hội thi, thí sinh được lựa chọn một bài trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chương trình bồi dưỡng chuyên đề dùng cho Trung tâm chính trị do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành. Trong đó, tập trung vào một số chương trình như: Sơ cấp lý luận chính trị; Lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp Đảng; Học tập lý luận chính trị dành cho đảng viên mới; chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở; chuyên đề Chủ nghĩa yêu nước; chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh,... Mỗi thí sinh phải tham dự đủ 3 phần thi: thi giáo án; thi giảng và thi trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng do Ban Giám khảo đặt ra.

Giáo án của các thí sinh được chuẩn bị công phu, trình bày khoa học, rõ ràng, đúng theo hướng dẫn của Ban tổ chức Hội thi. Bài soạn đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, có hệ

thống logic, chặt chẽ, 14/14 giáo án dự thi đạt điểm giỏi. Nhiều thí sinh đã khai thác, mở rộng lý luận gắn với liên hệ thực tiễn, làm rõ được trọng tâm, trọng điểm của bài giảng. Đa số thí sinh khi trình bày đều thực hiện giáo án điện tử; phân phối đảm bảo thời gian, thực hiện linh hoạt các bước lên lớp, gắn với lý luận thực tiễn, cập nhật kịp thời các quan điểm, chủ trương, đường lối mới của Đảng, Nhà nước; rút ra được ý nghĩa liên hệ thực tiễn công tác; đã vận dụng thơ ca, hình ảnh minh họa, tấm gương tiêu biểu, những câu chuyện xúc cảm, nhân văn, tạo sự lắng đọng với người nghe, làm cho nội dung các bài giảng thêm sinh động, phong phú, hấp dẫn. Các thí sinh đã trả lời câu hỏi từ Ban giám khảo đúng trọng tâm, trọng điểm, có sự phân tích, liên hệ để nhấn mạnh nội dung cần trình bày, 100% thí sinh trả lời đạt điểm giỏi.

Đồng chí Phạm Thị Nguyệt, Trung tâm Chính trị Huyện ủy Đơn Dương, trình bày chuyên đề: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng và công tác xây dựng Đảng ở cơ sở, đồng chí đã thể hiện được những hiểu biết sâu sắc về vấn đề đặt ra. Nội dung không chỉ bó gọn ở việc nêu lên kiến thức mà đã có sự phân tích, giảng giải những điểm mấu chốt, điểm cần lưu ý để học viên tiếp thu; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, phân tích khái quát vấn đề. Đặc biệt, với việc liên hệ thực tiễn sinh động, mang tính định hướng rõ ràng, giúp học viên nhận thức đúng về thái độ, trách nhiệm của người đảng

viên trong công tác xây dựng Đảng đã thuyết phục được Ban Giám khảo và người nghe.

Thông qua Hội thi, các thí sinh có thêm kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên ở cơ sở nắm được một cách cơ bản có hệ thống những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước,... Với những kinh nghiệm từ Hội thi, các thí sinh về địa phương sẽ phát huy hơn nữa vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, giúp cấp ủy Đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện cho Trung tâm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Kết quả: Ban Tổ chức Hội thi đã trao 1 giải Nhất cho thí sinh Phạm Thị Nguyệt thuộc Trung tâm Chính trị huyện Đơn Dương; 2 giải Nhì cho các thí sinh Nguyễn Thị Thiện - Trung tâm Chính trị huyện Đam Rông và Bùi Anh Hùng - Trung tâm Chính trị huyện Lâm Hà; 4 giải Ba: Đỗ Anh Minh - Trung tâm Chính trị huyện Đức Trọng, Tống Văn Long - Trung tâm Chính trị thành phố Bảo Lộc, Ka Kim Cương - Trung tâm Chính trị huyện Bảo Lâm, Trần Trương Thị Thiên Trà - Trung tâm Chính trị thành phố Đà Lạt; và trao 7 giải Khuyến khích cho các thí sinh của các đơn vị còn lại. Sau Hội thi, Ban Tổ chức sẽ chọn 02 thí sinh để bồi dưỡng đi dự Hội thi khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

H.K

LAN TOẢ CUỘC THI TRẮC NGHIỆM TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIỀN

 VIẾT LIỀU

Cuộc thi trắc nghiệm trên Internet tìm hiểu lịch sử Đảng bộ huyện và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VIII do Huyện ủy phát động, nhằm tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết, lịch sử Đảng bộ huyện đến toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân toàn huyện. Qua đó, tạo không khí phấn khởi, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước, niềm tự hào dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, “uống nước nhớ nguồn”..., sớm đưa Nghị quyết Đại hội Đảng vào cuộc sống; góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Ngay sau khi Kế hoạch số 56 -KH/HU, ngày 21/3/2022 của Huyện ủy về “Cuộc thi trắc nghiệm trên Internet tìm hiểu Lịch sử Đảng bộ huyện và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025” được ban hành; Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ,

đảng viên, các tầng lớp Nhân dân trong huyện tích cực tìm hiểu, hưởng ứng tham gia cuộc thi. Quá trình tổ chức, nhiều địa phương, đơn vị làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia cuộc thi nên số lượng, tỷ lệ người tham gia cuộc thi cao; cụ thể như các Đảng bộ: thị trấn Phước Cát, thị trấn Cát Tiên, xã Nam Ninh, Quân sự huyện; Chi bộ các trường THPT Cát Tiên, Gia Viễn, Quang Trung, Chi bộ phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cuộc thi đã có sức lan tỏa không những trong huyện mà còn lan tỏa tại một số huyện lân cận; giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong huyện nhận thức sâu sắc về những thành tựu nổi bật, những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong thực hiện Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025; nắm vững phương hướng, mục tiêu, tầm nhìn chiến lược, nhiệm vụ

và các giải pháp chủ yếu, trọng tâm những năm tiếp theo được xác định trong Nghị quyết; lịch sử Đảng bộ huyện từ khi thành lập đến nay.

Kết quả qua sáu tuần triển khai, cuộc thi đã thu hút gần 230.000 lượt người tham gia, trung bình mỗi tuần có gần 40.000 lượt người. Kết thúc cuộc thi, Ban Tổ chức đã trao 06 giải nhất, 06 giải nhì, 06 giải ba và 12 giải khuyến khích cho các cá nhân đạt giải trong sáu tuần và Ban Thường vụ Huyện ủy khen thưởng cho 7 tập thể, 6 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai cuộc thi.

Đây là lần đầu tiên huyện Cát Tiên tổ chức Cuộc thi tìm hiểu lịch sử Đảng bộ huyện và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện theo hình thức thi trắc nghiệm trên mạng Internet, vừa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyên truyền; tạo được sức lan tỏa và sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

V.L

TÌM HIỂU CHUYÊN ĐỀ NĂM 2022

(tiếp theo)

 **BAN BIÊN TẬP**

Ý nghĩa, sự cần thiết và tầm quan trọng của việc nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

Trải qua 92 năm xây dựng và trưởng thành, nhất là sau 35 năm đất nước thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng ta ngày càng khẳng định và coi trọng ý nghĩa, sự cần thiết và quan trọng của việc nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Sau 15 năm, kể từ khi triển khai Cuộc vận động “Học tập và

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo tinh thần Chỉ thị 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị đến nay, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc học tập và làm theo Bác gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện, với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực có sức lan toả trong Đảng và toàn xã hội. Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực

hiện các quy định về nêu gương đã từng bước đi vào nền nếp, trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm chế, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với



**TRÁCH NHIỆM
NÊU GƯƠNG
của cán bộ, đảng viên**

*“Một tấm gương sống còn có giá trị hơn
một trăm bài diễn văn tuyên truyền”*

Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ việc học tập và làm theo Bác, ngày càng xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến, việc làm tốt, có sức lan toả trong cuộc sống. Riêng tỉnh Lâm Đồng, sau 15 năm thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW của Bộ Chính trị đến nay, toàn tỉnh đã có 10.929 tập thể, cá nhân được các cấp biểu dương, khen thưởng. Những kết quả nêu trên là nhân tố quan trọng, góp phần vào sự thành công của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về nêu gương trên cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng còn bộc lộ những vấn đề đáng suy nghĩ và quan tâm, đã được các cấp uỷ và Đảng ta thẳng thắn chỉ rõ: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở, suy thoái về tư tưởng chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ cấp cao lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong chính sách, pháp luật để tham ô, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí tài sản, đất đai rất lớn của Nhà nước và Nhân dân. Trong khi đất nước còn nhiều khó khăn, lại có những cán bộ, đảng viên có lối sống xa hoa bằng những đồng tiền bất chính hoặc quan hệ không trong sáng, gây bức xúc trong Nhân dân và cán bộ, đảng viên.

Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) nêu rõ: “Tình trạng suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn...”; đặc biệt Kết luận số 21-KL/TW, Hội nghị Trung ương 4 (khoá XIII) khẳng định: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tự phê bình và phê bình, công tác kiểm tra, giám sát của nhiều tổ chức đảng còn hạn chế,...”. Tình trạng thiếu tự giác nhận khuyết điểm, đổ lỗi, nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi, thấy sai không dám đấu tranh, thấy đúng không dám bảo vệ; nhiều cán bộ, đảng viên không dám nhận khuyết điểm, sai phạm của mình. Tình trạng mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ diễn ra ở một số cơ quan, đơn vị chưa được giải quyết kịp thời; vẫn còn một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo ngại khó khăn, gian khổ, dùn dẩy, né tránh, không sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi tổ chức phân công...

Nguyên nhân chủ yếu là do một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ

động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thậm chí còn cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ với lợi ích vật chất, thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của Nhân dân.

Điều đó đã gây ra dư luận xấu trong xã hội, làm giảm niềm tin, uy tín chính trị và thanh danh của Đảng trong Nhân dân, giảm sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, là nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Đây là một nguy cơ rất lớn, bởi vì, một khi quần chúng Nhân dân đã mất niềm tin vào đạo đức của người cầm quyền, người lãnh đạo thì niềm tin chính trị của họ cũng không còn, đúng như cảnh báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi qua đời: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

Vì vậy, hơn bao giờ hết, nêu gương phải được coi là bổn phận, nghĩa vụ và trách nhiệm; đồng thời, phải có tính tự giác, tự nguyện, trở thành một nhu cầu văn hoá trong lối sống, lối sống và nếp sống hằng ngày của mỗi người, trước hết là của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, bởi không nêu gương, cán bộ, đảng viên sẽ tự suy thoái.

B.B.T
(còn tiếp)

Từ khi mới thành lập (02/1976), nhất là từ Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ V (năm 1991 -1996) đến nay, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng luôn phát huy các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh là một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ V đã đề ra mục tiêu “...Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn thử thách, khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của địa phương...”; Văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã xác định quan điểm chỉ đạo để thực hiện mục tiêu phát triển 5 năm 2020 - 2025 là “phát huy hiệu quả nguồn lực và điều kiện tự nhiên của tỉnh là quyết định”. Trong từng giai đoạn Cách

mạng, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra; nhất là những năm đầu đầy khó khăn, thử thách, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa kiến thiết xây dựng quê hương, đồng thời xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách phù hợp để khai thác hợp lý nội lực, kết hợp với huy động tối đa ngoại lực, đưa tỉnh Lâm Đồng ngày càng phát triển nhanh và bền vững. Điều này được minh chứng qua kết quả sau 46 năm thành lập và 36 năm thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển với quy mô và chất lượng ngày càng được nâng lên; tốc độ tăng

trưởng kinh tế luôn đạt khá cao, các lĩnh vực văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế được quan tâm phát triển; an sinh và phúc lợi xã hội đảm bảo; tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân 05 năm 2016-2020 tăng 8%, quy mô GRDP tăng 1,6 lần, năm 2021 thu ngân sách của tỉnh đạt 11.009 tỷ đồng, cao nhất khu vực Tây Nguyên, vượt 133% dự toán của Trung ương. Những thành tựu đáng tự hào đó là sự hội tụ của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến sức mạnh của ý chí tự lực, tự cường, phát huy hiệu quả nội lực sẵn có.

Bên cạnh những thành tích nổi bật, Văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng cũng đã nhận định “kinh tế phát triển chưa bền vững; năng xuất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển” thể hiện tốc độ tăng

KHÔNG NGỪNG PHÁT HUY NỘI LỰC ĐƯA LÂM ĐỒNG PHÁT TRIỂN NHANH, TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG

SỞ NỘI VỤ

trường kinh tế vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh còn hạn chế; kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận Nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Để khắc phục những khó khăn, hạn chế, bắt nhịp kịp thời với sự phát triển chung của đất nước nhằm thực hiện thành công mục tiêu đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững với mục tiêu: “Đến năm 2025: Là tỉnh phát triển khá của cả nước; Đến năm 2030: Là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; Đến năm 2045: tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”. Trong thời gian tới, Lâm Đồng tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ:

- Tiếp tục giữ gìn, củng cố và vun đắp sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, chính quyền, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân, gần dân, trọng dân, biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến xây dựng xác đáng của Nhân dân. Đồng thời, tập trung phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

- Xác định sự phát triển

của Lâm Đồng phải đặt trong yêu cầu phát triển chung của đất nước. Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần XI để triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, kết nối vùng, hạ tầng giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục, nhất là hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng... đồng bộ, hợp lý, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm, trong đó tập trung 17 công trình trọng điểm được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI. Rà soát, cương quyết cắt bỏ những dự án chưa cần thiết, dàn trải, chậm tiến độ, dồn nguồn lực tập trung cho các dự án lớn, có tác động lan tỏa, tạo ra động lực và không gian phát triển mới.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh, nền kinh tế số; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; ưu tiên thu hút đầu tư những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục

hành chính, tạo chuyển biến trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt là không làm tăng thủ tục hành chính, không gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt chính sách với người có công, gia đình chính sách, người yếu thế, bảo đảm an sinh xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau. Thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ người nghèo, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội, các giá trị văn hóa, đạo đức và môi trường sinh thái để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Tiếp tục giữ gìn, phát huy và khai thác hiệu quả giá trị văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc của các dân tộc trong tỉnh. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp. Coi trọng giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng, lòng yêu nước, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân, thể trận lòng dân vững chắc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống những âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Bảo đảm an ninh chính trị; thực hiện phương châm bảo đảm an ninh, an toàn và an dân ở mọi nơi, mọi lúc.

S.N.V

BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI NHÌN TỪ THỰC TIỄN LÂM ĐỒNG

 KIỀU NINH



Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cách mạng Việt Nam. Những năm qua, công tác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn được tỉnh Lâm Đồng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đi đôi với xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân vững chắc.

Ngay sau khi Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” (Nghị quyết) được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 73-CTr/TU, ngày 27/01/2014 về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kế hoạch số 137-KH/TU, ngày 28/8/2015 về thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW, ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới”; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt

và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, các ngành có liên quan quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết trong các cấp ủy, cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Toàn tỉnh đã tổ chức được 332 lớp cho 37.988 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, giáo viên, chức sắc, chức việc các tôn giáo tham dự. Trong đó, đảng viên tham gia học tập là 35.880 người, đạt 94,4%.

Các cấp ủy, các ngành, địa phương, đơn vị thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, đẩy mạnh tuyên truyền cho cán bộ, đảng

viên và các tầng lớp Nhân dân xây dựng ý thức cảnh giác, trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia, nâng cao nhận thức trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách, người có công; xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong khu vực phòng thủ; tăng cường công tác vận động quần chúng của Đảng, công tác dân vận chính quyền; đấu tranh với những luận điệu sai trái, phản động, làm thất bại âm mưu phá hoại của các thế lực



Đồng chí Trần Đức Quận - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh trao vòng nguyệt quế cho các tân binh trước giờ lên đường nhập ngũ

thù địch...

Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng chủ động xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên đăng tải các tin, bài tuyên truyền, giáo dục quốc phòng-an ninh, các hoạt động mang ý nghĩa giáo dục thông qua các lễ hội, hội thi tìm hiểu về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống, tìm hiểu về quê hương, đất nước; biểu dương những tấm gương tiêu biểu, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” góp phần bồi đắp niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước, yêu chế độ, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh và giáo dục quốc phòng được quan tâm, chú trọng mở rộng đối tượng được bồi dưỡng: Chức sắc, chức việc, các tôn giáo, các chủ doanh nghiệp...; giai đoạn 2013-2022 đã tổ chức và cử đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho 428.536 đối tượng.

Lực lượng vũ trang tỉnh và các ngành chức năng làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện hiệu quả công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; giáo dục, quán triệt, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần cho bộ đội; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phong trào thi đua Quyết thắng và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước, tích cực, chủ động tham gia các phong trào, cuộc vận động và chương trình mục tiêu quốc gia.

Việc tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp hàng năm được quan tâm triển khai, sẵn sàng đáp ứng theo các phương án bảo vệ vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia phát triển kinh tế-xã hội đi đôi với thực hiện tốt công tác chính sách xã hội, nhất là

các chương trình “Xóa đói, giảm nghèo”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, vận động Nhân dân chăm lo đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng; tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và văn hóa độc hại, phản động...

Công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về các vấn đề có liên quan đến công tác biên giới đất liền; vấn đề biển đảo và chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa luôn được tỉnh quan tâm triển khai. Để nâng cao nhận thức, tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm của Nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu nhi trong việc bảo vệ và giữ gìn chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, tỉnh Lâm Đồng tổ chức Triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý”. Đồng thời, tổ chức nhiều Hội nghị thông tin thời sự về tình hình biển, đảo, thông tin đối ngoại và công tác phân giới cắm mốc cho cán bộ chủ chốt, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới được triển khai từ tỉnh đến cơ sở gắn giữa nhiệm vụ đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, nhất là

 **xem tiếp trang 52**

Chuyển biến trong công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

 LÊ VĂN

Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí là một hoạt động quan trọng của Đảng, nhằm xây dựng, củng cố nền tảng tư tưởng chính trị, tuyên truyền, tập hợp Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng của đất nước. Với tầm quan trọng đó, ngày 01/8/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW “về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”. Sau 15 năm triển khai thực hiện, tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong tỉnh có những chuyển biến tích cực.

Công tác tư tưởng luôn đi trước mở đường

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác tư tưởng, đồng thời xác định rõ công tác tư tưởng có vai trò “đi trước mở đường”; những năm qua Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các mặt công tác tư tưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị của

địa phương.

Việc quán triệt, triển khai, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết được tổ chức nghiêm túc, chất lượng, từng bước đổi mới. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, có chiều sâu và dần đi vào thực chất, tạo niềm tin tưởng, phấn khởi trong Nhân dân. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động tham mưu nhằm phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên và đội ngũ công tác viên dư luận xã hội. Chủ động nắm bắt, tổng hợp, phân tích, tham mưu, định hướng dư luận xã hội kịp thời, có hiệu quả những vấn đề, sự kiện quan trọng, bức xúc, nhạy cảm diễn ra trên các lĩnh vực ở trong nước, ngoài nước và trên địa bàn tỉnh, có tác động, ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân thông qua đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội, nhằm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kịp thời giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh của địa phương.

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách

Hồ Chí Minh luôn gắn với việc xây dựng Đảng, nhiệm vụ chính trị được giao và các phong trào thi đua yêu nước...có nhiều giải pháp, cách làm hay, sáng tạo, phù hợp mang lại hiệu quả thiết thực; các vấn đề bức xúc, nổi cộm ở địa phương, cơ sở được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm, tạo được sự chuyển biến rõ nét trong cán bộ, đảng viên...

Triển khai, đồng bộ, toàn diện bằng các hình thức phong phú, đa dạng, thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương được các cấp, các ngành triển khai hưởng ứng sâu rộng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai rộng khắp, Nhân dân tham gia thực hiện phong trào ngày càng đông đảo.

Chú trọng nâng cao chất lượng hệ thống thông tin cơ sở, phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở. Hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 có hiệu quả



Đồng chí Trần Đức Quận - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII

tích cực trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội.

Lý luận - Mặt công tác thường xuyên của Đảng

Chỉ đạo quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng: Trong 15 năm qua, đã tổ chức được 248 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị với 17.914 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia. Chất lượng giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm chính trị cấp huyện không ngừng được nâng lên. Coi trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng có tác dụng thiết thực cho người học.

Các tổ chức chính trị - xã hội, các trường học đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, cuộc thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhân các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của

đất nước, địa phương góp phần khẳng định và làm sáng tỏ các nội dung lý luận của Đảng và Nhà nước ta, lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, củng cố tư tưởng và niềm tin tuyệt đối với Đảng, với chế độ.

Gắn liền với công tác lý luận, hoạt động tổng kết thực tiễn luôn được Tỉnh ủy quan tâm, chỉ đạo tiến hành sơ kết, tổng kết các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, quốc phòng-an ninh; chỉ đạo tổng kết về kết quả xây dựng nông thôn mới; du lịch...; triển khai Đề án thí điểm mô hình du lịch nông nghiệp; xây dựng thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” mở một con đường lớn để nông sản sạch vùng đất cao nguyên định vị trên thị trường trong nước và dần bước ra thị trường quốc tế.

Báo chí góp phần định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận xã hội

Hoạt động báo chí luôn

được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý sâu sát của cấp ủy, chính quyền địa phương, luôn khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của báo chí trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo điều kiện để các cơ quan báo chí của tỉnh được đầu tư, phát triển, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thông tin và phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị.

Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng, Tạp chí Lang Bian đã phát huy tính chủ động, sáng tạo, phát huy dân chủ đi đôi với yêu cầu tuân thủ pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, kết hợp phương châm “xây” và “chống”, lấy tích cực, đẩy lùi tiêu cực. Hoạt động báo chí của tỉnh đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích. Tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, đội ngũ những người làm báo trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Công tác xây dựng đội ngũ, xây dựng Đảng, đoàn thể trong các cơ quan báo chí được quan tâm. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và xây dựng đảng trong các cơ quan báo chí có sự chuyển biến tích cực. Kịp thời động viên, khen thưởng phóng viên, biên tập viên của các cơ quan báo chí, xuất bản có nhiều thành tích trong công tác.

Thường xuyên động viên, khuyến khích, tạo sự quan tâm của phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí trong việc

tham gia viết, sáng tác nhiều tác phẩm báo chí xuất sắc về xây dựng Đảng, (đến nay có 300 tác phẩm báo chí tham dự Giải báo chí về Xây dựng Đảng). Việc đặt mua và đọc báo, tạp chí của Đảng đạt nhiều kết quả, tỷ lệ đặt báo, tạp chí cao và ổn định (Báo Nhân Dân 88%, Báo Lâm Đồng 86% và Tạp chí Cộng sản 87%).

Các Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú hoạt động trên địa bàn tỉnh đã đóng góp tích cực đối với sự phát triển chung của tỉnh. Hàng năm, có trên 3.000 tin, bài phản ánh các mặt của đời sống xã hội diễn ra trên địa bàn tỉnh.

Trước yêu cầu mới, nhất là trong bối cảnh hiện nay tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập; sự gia tăng các hoạt động tuyên truyền, chống phá Đảng và Nhà nước ta của các thế lực thù địch, phản động cùng những phần tử cơ hội chính trị ở trong nước và nước ngoài; một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, thiếu gương mẫu, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước làm giảm sút niềm tin trong Nhân dân. Cuộc cách mạng

công nghiệp lần thứ 4 cùng với quá trình toàn cầu hóa đang chi phối mạnh mẽ đời sống kinh tế - xã hội, sự bùng nổ của thông tin trên Internet dẫn đến thông tin đa chiều sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh, gây khó khăn trong công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng... Vì vậy, thời gian tới công tác tư tưởng, lý luận báo chí cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

L.V



tiếp theo trang 49

BẢO VỆ TỔ QUỐC...

lĩnh vực quốc phòng-an ninh; chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể địa phương phân công người có uy tín chủ động gặp gỡ trao đổi, đấu tranh, thuyết phục với số đối tượng bất mãn, cơ hội chính trị, cán bộ hưu trí có biểu hiện sai trái, phát ngôn “trái chiều”... Nhờ đó đến nay, một số cán bộ hưu trí đã bỏ hẳn không viết bài hoặc không tham gia ký tên vào các thư khiếu nại, thư ngỏ của các tổ chức phản động kêu gọi trên mạng xã hội.

Để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết, trong thời gian tới các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục quán triệt thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết, gắn với triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng,

pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, sớm phát hiện, xử lý kịp thời những vụ việc phức tạp, nổi cộm phát sinh, những vấn đề bất cập, bức xúc trong xã hội, không để các thế lực thù địch lợi dụng

kích động, khiếu kiện, biểu tình gây mất ổn định chính trị. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tuyển quân, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động công dân trong độ tuổi nhập ngũ chấp hành nghiêm Luật Nghĩa vụ quân sự, tuyển quân đảm bảo đúng quy định. Nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng. Thực hiện tốt công tác chính sách đối với Quân đội và hậu phương Quân đội...

K.N